|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI** Số: /BC-UBTVQH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **DỰ THẢO** |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật**

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

Theo Chương trình Kỳ họp thứ 8, chiều ngày 22/11/2024 và chiều ngày 28/11/2024, các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH) đã thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là dự thảo Luật), đã có 36 lượt ý kiến ĐBQH phát biểu *(trong đó có 29 lượt tại Tổ, 07 lượt tại Hội trường).* Về cơ bản các ý kiến đều thống nhất với Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT), đồng thời góp ý thêm một số nội dung để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngay sau kỳ họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban KH,CN&MT chủ trì phối hợp với Bộ KH&CN *(Cơ quan chủ trì soạn thảo)*, Thường trực Ủy ban Pháp luật và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các vị ĐBQH để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật trên cơ sở quán triệt, bám sát quan điểm, mục tiêu, yêu cầu đối với các nhóm chính sách của dự thảo Luật; quán triệt các cơ quan thực hiện nghiêm túc Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo luật theo Công thư số 15/CTQH, số 17/CTQH của Chủ tịch Quốc hội. Theo đó, dự thảo Luật đã được rà soát, lược bỏ các nội dung không phù hợp, chỉ quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội và luật hoá một số nội dung cần thiết; đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh. Ngày 06/01/2025, tại Phiên họp thứ 41, UBTVQH đã cho ý kiến về việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật theo ý kiến các vị ĐBQH tại Kỳ họp thứ 8.

UBTVQH xin báo cáo Quốc hội việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý các nội dung cụ thể của dự thảo Luật, như sau:

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

**1. Về sự cần thiết ban hành Luật**

*- Có ý kiến cho rằng, những định hướng sửa đổi và nội dung sửa đổi trong 6 nhóm chính sách chưa thể hiện rõ nét, chưa cho thấy việc sửa đổi này có thể khắc phục được những tồn tại, hạn chế và vướng mắc đã chỉ ra trong báo cáo tổng kết thi hành luật; đề nghị tiếp tục rà soát và thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã được rà soát, thể chế hóa tối đa các chủ trương của Đảng trong các nội dung của dự thảo Luật *(chi tiết tại Phụ lục Ia, Phụ lục Ib)*, chỉnh lý, bổ sung và thể hiện rõ nét hơn nội dung của 6 nhóm chính sách đảm bảo tính khả thi, không chồng chéo, trong đó, tiếp tục thể chế hoá các nội dung trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 vào các nhóm chính sách trong dự thảo Luật như: phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (TC&QCKT) (khoản 2 Điều 7); tập trung nguồn lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước và nước ngoài để xây dựng TCVN (khoản 4 Điều 7); xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam (khoản 6 Điều 7); hỗ trợ nguồn lực để các đại diện của Việt Nam tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và khu vực (khoản 3 Điều 7)… Đồng thời, trong quá trình tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật, UBTVQH đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì thẩm tra bám sát mục tiêu, quan điểm, các nhóm chính sách đề nghị xây dựng luật; quán triệt, thực hiện nghiêm túc quy định của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, theo đó, dự thảo Luật đã được rà soát, lược bỏ các nội dung không phù hợp, chỉ quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội và luật hoá một số nội dung cần thiết; đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh *(chi tiết tại Phụ lục II).*

**2. Về hồ sơ dự án Luật**

- *Có ý kiến cho rằng, báo cáo đánh giá tác động của các nhóm chính sách thực sự chưa sâu, mang tính định tính, không có số liệu định lượng, rất hạn chế về thông tin để các đại biểu nghiên cứu, xem xét, quyết định nên lựa chọn theo phương án nào.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, UBTVQH đã chỉ đạo Chính phủ rà soát, cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu cụ thể, làm cơ sở cho việc lựa chọn phương án trong dự thảo Luật.

**3. Về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật và tính tương thích với Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên**

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của dự thảo Luật; tiếp tục rà soát tính thống nhất của dự án Luật đối với 4 bộ luật và 98 luật có liên quan như: Luật CLSPHH, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Cạnh tranh, Luật Đầu tư, Luật Trật tự an toàn giao thông…; ý kiến khác cho rằng, một số bất cập ở luật khác chưa được kiến nghị xem xét sửa đổi, nhất là các luật mới được Quốc hội thông qua như: Luật Đường bộ, Luật Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ, Luật Quy hoạch đô thị - nông thôn, Luật Dữ liệu, dự thảo các luật đang được Quốc hội xem xét cho ý kiến; một số ý kiến băn khoăn về một số quy định trong dự án Luật còn mang tính nguyên tắc nhưng không giao Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã được rà soát, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Luật trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo các quy định của dự thảo Luật ***không là rào cản*** đối với việc thực hiện các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Về ý kiến rà soát đối với các luật đang được trình Quốc hội thông qua*, UBTVQH đã chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi các luật đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; đồng thời, giao Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện như quy định về đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại khoản 2 Điều 5; quy định về việc xây dựng, thẩm định, công bố đối với các tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn tại khoản 5 Điều 17; quy định về việc ban hành mẫu báo cáo đánh giá tác động, tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tại điểm b khoản 1 Điều 27…

*- Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, tiếp thu, giải trình các ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra để dự thảo Luật đảm bảo chất lượng.*

***Tiếp thu*** ý kiến trên, UBTVQH đã chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến của Cơ quan chủ trì thẩm tra, ý kiến của ĐBQH, ý kiến các cơ quan liên quan và thể hiện đầy đủ trong dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung các chế tài, yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương khi xây dựng, ban hành các Luật, văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá phải đảm bảo tính thống nhất và quan điểm kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá Việt Nam.*

*Về đề nghị bổ sung các chế tài*, UBTVQH cho rằng các nội dung này thuộc phạm vi của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự. Do vậy, xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

*Về việc đảm bảo tính thống nhất trong kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá*, UBTVQH đã chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát dự thảo Luật với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH để phân định rõ phạm vi điều chỉnh, trách nhiệm của các bộ ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân đảm bảo không chồng chéo, mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật liên quan đến an toàn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**II. VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ**

**1. Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật** *(Điều 1 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật có phạm vi điều chỉnh cơ bản không thay đổi so với Luật TC&QCKT, đề nghị tiếp tục thể chế hóa quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng về công tác TC&QCKT, phù hợp với thực tiễn quản lý và yêu cầu hội nhập quốc tế; đảm bảo tính khả thi và đồng bộ với hệ thống pháp luật về TC&QCKT.*

***Tiếp thu*** ý kiến trên, dự thảo Luật đã được ra soát, chỉnh lý để tiếp tục thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác TC&QCKT, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; rà soát, chỉnh lý các điều, khoản đảm bảo tính khả thi, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

**2. Về giải thích từ ngữ** *(Điều 3 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị không bổ sung trong dự thảo Luật một số khái niệm về đánh giá sự phù hợp (ĐGSPH) ở các luật chuyên ngành mà không thể hiện đúng bản chất quy định trong Hiệp định WTO/TBT như: kiểm nghiệm thuốc thú y, xét nghiệm thú y, kiểm nghiệm thực phẩm, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động…; ý kiến khác đề nghị cần rà soát việc giải thích một số từ ngữ được bổ sung tại khoản 5 và các khoản 5a, 5b, 5c, 5d, 5e, 5g (đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, mẫu chuẩn, thử nghiệm thành thạo) cho phù hợp với các luật chuyên ngành.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Theo quy định trong Tiêu chuẩn quốc tế ISO 17000:2020 về *Đánh giá sự phù hợp - Từ vựng và các nguyên tắc chung* thì đánh giá sự phù hợp bao gồm các hoạt động: thử nghiệm, giám định, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, chứng nhận, công nhận và các hoạt động có liên quan.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật TC&QCKT thì đánh giá sự phù hợp *bao gồm hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công nhận năng lực của phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định”* và được quy định cụ thể tại các Điều 41 (Hình thức đánh giá sự phù hợp), Điều 48 (Công bố hợp quy), Điều 53 (Hoạt động công nhận)…và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật TC&QCKT. Các quy định này cơ bản đáp ứng quy định của Hiệp định TBT và Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế.

Tuy nhiên, trong các luật chuyên ngành, *hoạt động đánh giá sự phù hợp được thể hiện dưới nhiều thuật ngữ khác nhau* như: Kiểm nghiệm thuốc thú y, kiểm định thuốc thú y (Luật Thú y), kiểm nghiệm thực phẩm (Luật An toàn thực phẩm), kiểm nghiệm thuốc (Luật Dược), kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (Luật An toàn vệ sinh lao động)…và các hoạt động này được thực hiện theo các luật chuyên ngành. Thực trạng này tạo ra sự thiếu thống nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành, gây bất cập, khó khăn cho hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp, doanh nghiệp; phát sinh chi phí không cần thiết; tạo rào cản trong thương mại, hội nhập quốc tế. Do đó, nếu chuẩn hoá thuật ngữ này trong dự thảo Luật để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với thông lệ quốc tế thì phải sửa đổi khoảng ***17*** luật chuyên ngành hiện hành, ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước, không thể bao quát hết các hoạt động mới tương tự sẽ phát sinh trong thực tiễn.

Nghiên cứu ***tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý khái niệm đánh giá sự phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 3 (dự thảo Luật hợp nhất) theo hướng: **(1)** quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp dựa trên cơ sở tham khảo quy định trong Tiêu chuẩn quốc tế ISO 17000:2020; **(2)** đồng thời bổ sung hoạt động đánh giá sự phù hợp đang được quy định trong luật chuyên ngành.

Cụ thể như sau: *“5. Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.*

*Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động: Thử nghiệm; giám định; xác nhận giá trị sử dụng; kiểm tra xác nhận; chứng nhận hợp chuẩn; chứng nhận hợp quy; công nhận và* ***các hoạt động đánh giá sự phù hợp được sử dụng với thuật ngữ khác theo luật chuyên ngành***”.

Quy định như trên sẽ bảo đảm yêu cầu phổ quát, đồng bộ, thống nhất, ổn định của hệ thống pháp luật và hài hoà với thông lệ quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị bỏ từ “hóa” trong khái niệm “tiêu chuẩn hóa” trong toàn bộ dự thảo Luật, đề nghị quy định cụ thể hơn về cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia; ý kiến khác đề nghị rà soát khái niệm giải thích từ ngữ để bảo đảm thống nhất, dễ hiểu và bổ sung thêm khái niệm “tiêu chuẩn nước ngoài”; bổ sung thêm nội dung chống lãng phí trong nội hàm giải thích thuật ngữ “tiêu chuẩn…”.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý bỏ từ *“hoá”* trong cụm từ *“cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia”* trong dự thảo Luật; đồng thời, bổ sung quy định giao cho Chính phủ quy định chi tiết về cơ quan này tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật. Ngoài ra, dự thảo Luật (Điều 3) đã chỉnh lý các khái niệm, giải thích từ ngữ đảm bảo thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với thông lệ quốc tế, dễ hiểu tạo thuận lợi trong hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp, doanh nghiệp và người dân. Trong đó, bổ sung, giải thích các khái niệm: *“Đánh giá sự phù hợp”* (khoản 5), *“tiêu chuẩn nước ngoài”* (khoản 21)*, “cơ quan tiêu chuẩn quốc gia”* (khoản 23) *“Hàng rào kỹ thuật trong thương mại”* (khoản 24).

*Về ý kiến đề nghị* *bổ sung thêm nội dung chống lãng phí trong nội hàm giải thích thuật ngữ “tiêu chuẩn”,* UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: đối với khái niệm “tiêu chuẩn” trong dự thảo Luật là phù hợp quy định tại Hiệp định WTO/TBT, FTA thế hệ mới, hướng dẫn của ISO, tham khảo luật tiêu chuẩn các nước, nội hàm khái niệm không có nội dung về chống lãng phí; quy định về chống lãng phí được thể hiện qua các chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật cụ thể trong các tiêu chuẩn cụ thể như: tiêu chuẩn về tiết kiệm nước, hiệu suất năng lượng, nguyên liệu tái tạo, quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm…Do vậy, xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ định nghĩa, sự liên kết giữa các quy định trong dự thảo Luật đối với “Hạ tầng chất lượng quốc gia”; trách nhiệm (Bộ, ngành, UBND các cấp) trong việc xây dựng và quản lý Hạ tầng chất lượng quốc gia, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương trong thực tiễn triển khai.*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, khái niệm “Hạ tầng chất lượng quốc gia” đã được quy định khoản 11 Điều 3 Luật TC&QCKT, được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật; tại khoản 18 Điều 3, được sửa đổi, bổ sung tại điểm i khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật CLSPHH. Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) là hệ thống cơ chế pháp lý và kỹ thuật nhằm triển khai hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp và công nhận chất lượng ở từng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong nước và đẩy mạnh sự thừa nhận của quốc tế hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ toàn cầu; hệ thống này được coi là chỉ số đo lường an toàn, chất lượng của sản phẩm, hàng hóa trên nền TC, QCKT của quốc gia đó, được xây dựng và hình thành dựa trên nền tảng TC, QCKT để làm cơ sở thực hiện các hoạt động kỹ thuật khác như đo lường, thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp, công nhận. Đặc biệt, việc ứng dụng các công nghệ mới, chuyển đổi số sẽ là giải pháp quan trọng hoàn thiện hệ thống TC, QCKT giúp sản phẩm hàng hóa của Việt Nam từng bước hài hoá tiêu chuẩn quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật. Ngoài bổ sung khái niệm về Hạ tầng chất lượng quốc gia, dự thảo Luật đã bổ sung chính sách của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia (tại khoản 1, 3 Điều 7, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 dự thảo luật); chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia để phục vụ việc hình thành và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương (tại điểm a khoản 2 Điều 59, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 dự thảo luật)…để phục vụ việc hình thành và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật CLSPHH cũng đã quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương như: tại khoản 4 Điều 7a (được bổ sung khoản 6 Điều 1 dự thảo luật) có quy định: “4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để xây dựng chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia; xây dựng Kế hoạch về phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, trình Chính phủ phê duyệt”. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 69 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 dự thảo luật) có quy định: “2. Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, chỉ số hạ tầng chất lượng quốc gia và quy định phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia”.

Do vậy, UBTVQH cho rằng, việc quy định NQI trong dự thảo Luật đã thể chế hoá chủ trương tại Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030; đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật TC&QCKT và Luật CLSPHH. Đồng thời, NQI sẽ gắn kết với các hạ tầng kỹ thuật khác (năng lượng, xây dựng, giao thông, viễn thông…) tạo thành một nền tảng hạ tầng kỹ thuật toàn diện của quốc gia phục vụ phát triển KTXH, nâng cao hiệu quả quản lý, tạo đột phá về KHCN và ĐMST theo tình thần Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. ***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, UBTVQH sẽ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu kỹ nội hàm Hạ tầng chất lượng quốc gia, bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm để thể chế hóa thành các quy định cụ thể trong dự thảo Luật TCQCKT và Luật CLSPHH, đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo và khả thi.

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục nghiên cứu để nhận diện tiêu chí sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nào mới cần quản lý bằng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời, nhận diện, phân biệt rõ giữa tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật với điều kiện đầu tư kinh doanh để đảm bảo thống nhất, không chồng chéo giữa Luật TC&QCKT với Luật Đầu tư.*

*Về ý kiến liên quan tiêu chí sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nào cần quản lý bằng TC&QCKT*, UBTVQH nhận thấy tất cả các sản phẩm, hàng hoá trước khi lưu thông trên thị trường đều phải được kiểm soát bằng tiêu chuẩn hoặc QCKT. Việc lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn do doanh nghiệp tự quyết định, đối với các sản phẩm, hàng hoá có nguy cơ gây mất an toàn phải tuân thủ các QCKT do cơ quan nhà nước ban hành.

*Về việc phân biệt rõ giữa TC&QCKT với điều kiện đầu tư kinh doanh*, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 quy định điều kiện đầu tư kinh doanh là việc các tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề cụ thể, còn tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật là các đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn. Do vậy, không có sự chồng chéo về nội hàm của hai khái niệm nêu trên.

**3. Áp dụng pháp luật** *(Điều 4 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến cho rằng hiện nay, việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đang được thực hiện đồng thời theo 02 quy trình quy định tại Luật TC&QCKT và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, đề nghị quy định quy trình về việc ban hành các quy chuẩn kỹ thuật đồng bộ với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng, chặt chẽ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Quy chuẩn kỹ thuật là một loại văn bản quy phạm pháp luật, hiện đang được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành dưới hình thức Thông tư đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) và UBND tỉnh, thành phố ban hành dưới hình thức Quyết định đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP). Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật như một loại văn bản quy phạm pháp luật được quy định và thực hiện đồng thời theo Luật TC&QCKT và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Để bảo đảm tính khả thi và đáp ứng yêu cầu của QCKT có tính kỹ thuật chuyên môn sâu, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, sức khỏe con người, môi trường thì quá trình xây dựng, thẩm định phải tiến hành nhiều hoạt động như khảo sát, thử nghiệm, khảo nghiệm, đánh giá tác động…Vì vậy, việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật cần *thực hiện theo trình tự thủ tục riêng biệt, tuân thủ đúng quy định của Hiệp định TBT, các cam kết quốc tế và được quy định cụ thể tại dự thảo Luật này*. Hơn nữa, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi đã quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương tại Điều 45.

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng giữ nguyên các quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật TC&QCKT về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Luật TC&QCKT. Cụ thể như sau:

*“2. Quy chuẩn kỹ thuật là văn bản kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành bằng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Chính phủ.”*

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát việc áp dụng pháp luật quy định tại Điều 4 dự thảo Luật, tránh mâu thuẫn với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tạo sự thống nhất với các luật khác; ý kiến khác đề nghị bỏ Điều này để phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*

 *Về ý kiến**đề nghị rà soát việc**áp dụng pháp luật quy định tại Điều 4*, dự thảo Luật đã chỉnh lý theo hướng sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Luật TC&QCKT để thấy rõ sự khác biệt trong trình tự ban hành TC, QCKT với văn bản quy phạm pháp luật thông thường và phù hợp với quy đinh tại Điều 45 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vừa được Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9. Cụ thể như sau:*“2. Quy chuẩn kỹ thuật là văn bản kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành bằng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của Chính phủ”.*

*Về việc đề nghị bỏ Điều 4 dự thảo Luật*, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Luật TC&QCKT ra đời để đáp ứng yêu cầu khi Việt Nam đàm phán tham gia tổ chức WTO. Vì vậy, Luật TC&QCKT nội luật hoá các quy định, cam kết quốc tế về loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo Hiệp định WTO/TBT và các quy định trong các Điều ước quốc tế liên quan. Quy định như vậy cũng tương thích với việc ban hành chính sách liên quan đến điều ước quốc tế thể hiện trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 như đảm bảo nguyên tắc không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viêntrong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 5); Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong nước không được cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 5 Điều 58).Do vậy, việc quy định ưu tiên áp dụng Luật TC&QCKT là phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, xin được giữ như dự thảo.

**4. Chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực TC&QCKT** *(Điều 7 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung các chính sách khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân có thể đóng góp cho hoạt động xây dựng TC&QCKT; lồng ghép việc giảng dạy, đào tạo về TC&QCKT một cách phù hợp tại các cơ sở giáo dục, nghề nghiệp, đại học; đầu tư xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để tham gia xây dựng tiêu chuẩn và hội nhập quốc tế.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung các chính sách khuyến khích cho các tổ chức, cá nhân có thể đóng góp cho hoạt động xây dựng TC&QCKT; lồng ghép việc giảng dạy, đào tạo về TC&QCKT một cách phù hợp tại các cơ sở giáo dục, nghề nghiệp, đại học; đầu tư xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để tham gia xây dựng tiêu chuẩn và hội nhập quốc tế, chỉnh lý và thể hiện tại khoản 2 và khoản 6 Điều 7 dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị**bổ sung khoản 4 Điều 7 về phát triển nền tảng số quốc gia không chỉ để kết nối mà còn đảm bảo đồng bộ dữ liệu tiêu chuẩn, thúc đẩy liên kết quốc tế về tiêu chuẩn hóa; bổ sung các chính sách hỗ trợ tài chính, đào tạo; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu tiêu chuẩn bằng các chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước cũng như tăng cường trong việc Việt Nam chủ động đề xuất tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung nội dung *phát triển nền tảng số quốc gia* vào khoản 2 Điều 7; *hỗ trợ tài chính, đào tạo* vào khoản 3 và khoản 5 Điều 7*; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu tiêu chuẩn* vào khoản 4 Điều 7.

 *- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định thúc đẩy, đổi mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn; trách nhiệm giải trình của cơ quan ban hành để đảm bảo các TCVN, QCVN luôn được cải tiến theo hướng phù hợp với hội nhập quốc tế, dễ thực hiện, chi phí tuân thủ tối ưu, có không gian sáng tạo để thúc đẩy áp dụng công nghệ, kỹ thuật, vật liệu mới trong thực hiện TCVN, QCKT.*

 ***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn (Điều 17); bổ sung quy định về trình tự xây dựng, thẩm định, ban hành QCKT (Điều 32); bổ sung một số nguyên tắc xây dựng TC&QCKT như dựa trên tiến Bộ KH&CN, kinh nghiệm thực tiễn, yêu cầu quản lý nhà nước, nhu cầu sản xuất, kinh doanh và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực làm cơ sở để xây dựng TC&QCKT… (khoản 3 Điều 6). Về trách nhiệm giải trình đã được quy định trong trình tự xây dựng TC&QCKT thể hiện ở việc lấy ý kiến góp ý cho xây dựng TC&QCKT (điểm b, khoản 2 Điều 17 và khoản 1, khoản 2 Điều 32); qua các điểm thông báo hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại để phản hồi thông tin cho các tổ chức, cá nhân (Điều 8b) và công khai trên trang thông tin chính thức của đơn vị chủ trì xây dựng TC&QCKT, trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia để hoàn thiện TC&QCKT (khoản 1, khoản 2 Điều 32)…

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về xây dựng, thẩm định, công bố, thông báo áp dụng tiêu chuẩn quốc gia; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở của cơ quan nhà nước và doanh nghiệp; xã hội hóa các hoạt động xây dựng, phổ biến, áp dụng tiêu chuẩn, đảm bảo nguồn lực cho hoạt động của lĩnh vực TC&QCKT để đảm bảo tính khả thi và phù hợp với thông lệ quốc tế.*

*Về đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về xây dựng, thẩm định, công bố, thông báo áp dụng tiêu chuẩn quốc gia,* dự thảo Luật đã quy định nội dung này tại Điều 17, theo đó đã quy định cụ thể từ khâu lập kế hoạch, soạn thảo tiêu chuẩn, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, rà soát, cập nhật tiêu chuẩn phù hợp với Hiệp định WTO/TBT, các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết và hướng dẫn của các tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế. Tuy nhiên, ***tiếp thu*** ý kiến trên, để khắc phục bất cập trong thực tiễn triển khai thời gian qua và tăng tính chủ động và trách nhiệm của cơ quan soạn thảo tiêu chuẩn quốc gia, dự thảo Luật đã giảm trình tự thủ tục trong trình tự thủ tục xây dựng, công bố tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn tại Điều 17 và Điều 32.

*Về đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở của cơ quan nhà nước và doanh nghiệp*, ***tiếp thu*** ý kiến trên, dự thảo Luật đã được rà soát, chỉnh sửa và quy định việc xây dựng và áp dụng TCCS của cơ quan nhà nước và doanh nghiệp (Điều 11 và Điều 20). Các tiêu chuẩn cơ sở có thể được xây dựng, công bố bởi cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

*Về đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách, quy định nhằm thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động xây dựng, phổ biến, áp dụng tiêu chuẩn,* ***tiếp thu***ý kiến trên,Điều 7, Điều 11a, Điều 57 dự thảo Luật đã rà soát, bổ sung các chính sách nhằm xã hội hóa, thu hút nguồn lực tham gia vào hoạt động TC&QCKT.

*Về đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định đảm bảo nguồn lực cho hoạt động của lĩnh vực TC&QCKT,* ***tiếp thu***ý kiến trên*,* dự thảo Luật (Chương V) đã quy định về đảm bảo nguồn lực cho hoạt động của lĩnh vực TC&QCKT với các nội dung: bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý trong lĩnh vực TC&QCKT (Điều 60); phát triển các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong hạ tầng chất lượng quốc gia nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế (Điều 62). Trong đó, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về định mức kinh tế - kĩ thuật xây dựng TC&QCKT phải phù hợp điều kiện thực tiễn, tránh tình trạng quá trình xây dựng các TC&QCKT không thực hiện đánh giá tác động, tiến hành thử nghiệm, khảo sát thực tế do thiếu kinh phí, dẫn đến các TC&QCKT sau khi được ban hành không khả thi khi áp dụng thực tế (Điều 58 và Điều 59).

 **5. Về chiến lược tiêu chuẩn quốc gia** *(Điều 8a dự thảo Luật hợp nhất)*

 *- Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc quy định xây dựng Chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia, do nội dung này thể hiện trong Luật chưa cụ thể, không liên quan**đến kinh tế - xã hội, quy hoạch, thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Ý kiến khác đề nghị nghiên cứu**quy định về Chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia theo hướng: (1) Quy định rõ hơn về giai đoạn, thời kỳ, quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn của chiến lược; (2) Quy định cụ thể cơ quan tiêu chuẩn quốc gia, bảo đảm phù hợp thông lệ quốc tế; (3) Bổ sung nguyên tắc, căn cứ xây dựng chiến lược, thống nhất, đồng bộ với chiến lược phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung về hợp tác quốc tế, quy định căn cứ khoa học xây dựng TCVN của các bộ ngành và tổ chức để đề xuất trong từng thời kỳ cho phù hợp với Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia; trách nhiệm của các bộ ngành trong việc phối hợp với cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia trong việc hoàn thiện chiến lược, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế.*

***Tiếp thu*** ý kiến trên, dự thảo Luật đã bổ sung nguyên tắc xây dựng và triển khai Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia (khoản 1 Điều 8a), nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia (khoản 2 Điều 8a), bổ sung thẩm quyền xây dựng, phê duyệt Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia theo từng thời kỳ (khoản 3 Điều 8a), giao Chính phủ quy định chi tiết căn cứ nội dung của Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia (khoản 4 Điều 8a). Đồng thời dự thảo Luật bổ sung Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia là cơ sở xây dựng kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm (khoản 1 Điều 14 ), quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong lập, lấy ý kiến công khai kế hoạch xây dựng Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia (khoản 2 Điều 14).

 **6. Về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại** *(Điều 8b dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục đánh giá đầy đủ tác động của việc thực hiện các cam kết quốc tế, rà soát các quy định để đáp ứng các cam kết quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, quy định về nghĩa vụ minh bạch hóa trong các Hiệp định mà Việt Nam là thành viên.*

UBTVQH nhận thấy, trước khi tham gia các cam kết quốc tế, việc đánh giá tác động, nghiên cứu ảnh hưởng của việc tham gia ký kết đã được triển khai theo quy định của Luật về Điều ước quốc tế. Tuy nhiên, ***tiếp thu*** ý kiến trên, dự thảo Luật đã thể chế hoá các quy định đối với các điều ước quốc tế Việt nam là thành viên, như bổ sung quy định về nghĩa vụ đảm bảo tuân thủ các cam kết liên quan của Việt Nam trong các điều ước quốc tế và không tạo rào cản không cần thiết cho thương mại (khoản 2 Điều 3); Phát triển hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế theo quy định tại Hiệp định TBT (khoản 7 Điều 7); hợp tác quốc tế về TC&QCKT (khoản 3 Điều 8); nghĩa vụ minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Điều 8b).

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể hơn về nội dung minh bạch hoá thủ tục hành chính và biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực thi Hiệp định TBT.*

 UBTVQH nhận thấy, nội dung minh bạch hoá trong xây dựng TC&QCKT đã được quy định tại Điều 8b của dự thảo Luật, đây không phải thủ tục hành chính mà là một thủ tục trong quy trình xây dựng TC&QCKT nhằm thực thi Hiệp định TBT. Tuy nhiên, ***tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung nội dung hỗ trợ doanh nghiệp về minh bạch hoá và loại bỏ các rào cản kỹ thuật trong thương mại (điểm b, c, khoản 4 Điều 8b).

*- Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát đưa ra các quy định nhằm hỗ trợ việc xây dựng TC&QCKT cho các ngành nghề mới, đặc biệt cho lĩnh vực công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, các vấn đề mới như mô hình thử nghiệm, xe mooc...*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý Điều 8a, theo đó, dự thảo Luật quy định các nội dung cơ bản của Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia, giao Chính phủ quy định cụ thể, trong đó sẽ xác định các nhóm đối tượng cần ưu tiên xây dựng, áp dụng TCVN *(đặc biệt cho lĩnh vực công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, phát triển bền vững, đổi khí hậu, kiểm soát khí nhà kính, kinh tế tuần hoàn, sản xuất xanh…)* trên cơ sở tham khảo Chiến lược Tiêu chuẩn hoá quốc gia của các nước phát triển như Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc...

**7. Về hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật** *(Điều 8c dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến cho rằng khoản 2 Điều 8c dự thảo Luật quy định việc xây dựng, thu thập, cập nhật, quản lý, duy trì, khai thác, kết nối, chia sẻ, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT chưa tổng quát, tốn kém, không khả thi. Ý kiến khác đề nghị quy định việc công khai đăng tải thông tin trên hệ thống, khai thác dữ liệu hiệu quả, phù hợp với thực tiễn quản lý; quy định cụ thể trách nhiệm Bộ KH&CN, các cơ quan liên quan trong xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia .*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT nhằm tạo lập, cung cấp, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi, chia sẻ thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT. Do đó, việc cập nhật, khai thác thông tin về cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT ***chỉ là một khâu***trong quy trình hệ thống xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu. Đồng thời, Bộ KH&CN (cơ quan đầu mối về xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia) sẽ triển khai xây dựng cổng thông tin điện tử để các doanh nghiệp thông báo, cập nhật bằng phương thức điện tử về tiêu chuẩn của doanh nghiệp tới cơ quan nhà nước nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp*.* Các quy định về hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT tại dự thảo Luật đảm bảo đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế, không tạo rào cản trong thương mại. Do vậy, UBTVQH đề nghị giữ như dự thảo Luật.

Tuy nhiên, ***tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý khoản 3 Điều 8c cho phù hợp, theo đó, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT được xây dựng, vận hành, khai thác và sử dụng phải đảm bảo thống nhất giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, giữa trung ương với địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định cụ thể hơn về trình tự, nội hàm của “đặc tính cơ bản” sản phẩm hàng hoá, thời điểm, thời hạn thông báo TCCS lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý khoản 3, khoản 4 Điều 20, theo đó giao Bộ KH&CN hướng dẫn chi tiết nội dung này.

*- Có ý kiến đề nghị hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT đảm bảo thống nhất với các luật khác, nhất là Luật Dữ liệu đã được Quốc hội thông qua.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Nội dung hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT ***là một cấu phần***của Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được quy định tại Điều 3 của Luật Dữ liệu do vậy quy định này là thống nhất với Luật Dữ liệu. Đồng thời, trong quá trình xây dựng, ban hành TC&QCKT của các bộ ngành, địa phương đều được cập nhật, khai thác sử dụng thông tin trên hệ thống này. Do vậy, hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT là đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các Luật liên quan.

*- Có ý kiến cho rằng, không quy định cụ thể việc cập nhật TCCS vào hệ thống mà nên giao cho Chính phủ quy định chi tiết vì cho rằng đã có TCVN, QCVN (mang tính chất chung), còn doanh nghiệp cũng có bí mật công nghệ riêng.*

Về vấn đề này, UBTVQH xin **báo cáo** như sau:việc cập nhật TCCS vào hệ thống là cần thiết để đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, khắc phục những bất cập, nâng cao hiệu quả quản lý TCCS. Tuy nhiên, để đảm bảo bí mật công nghệ của các doanh nghiệp dự thảo Luật chỉ quy định nội dung thông tin của doanh nghiệp gồm tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở và thông tin về tên, số hiệu, đặc tính cơ bản của tiêu chuẩn cơ sở (khoản 3 Điều 20).

**8. Về xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn** *(Chương II, dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị rà soát, quy định cụ thể trong dự thảo Luật hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết đối với trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố TCVN và trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành QCVN đối với các đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước đảm bảo thống nhất với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý, bổ sung Điều 7b quy định chung về các đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Việc quy định như vậy sẽ giải quyết vướng mắc, bất cập trong thực tiễn xây dựng, thẩm định, ban hành một số QCVN cho đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, phù hợp với thông lệ quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về quy trình xây dựng, chỉnh lý, thẩm định, công bố, hiệu lực áp dụng của TCVN; quy định chặt chẽ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành, áp dụng TC&QCKT; xử lý trường hợp chậm công bố TCVN.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định cụ thể trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, thẩm định, công bố TCVN (Điều 11, Điều 17) và trong xây dựng, thẩm định, ban hành QCKT (Điều 27, Điều 32).

Về việc xử lý trường hợp chậm công bố TCVN, UBTVQH xin báo cáo như sau: dự thảo Luật đã quy định thời hạn thẩm định không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và công bố tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc để đảm bảo việc công bố TCVN kịp thời (điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 17); trường hợp chậm công bố TCVN thì xử lý theo pháp luật về cán bộ, công chức.

*- Có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định vai trò của Bộ KH&CN trong việc vừa lập kế hoạch, vừa phê duyệt kế hoạch xây dựng TCVN.*

 Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Thực tiễn hiện nay cho thấy, Bộ KH&CN là cơ quan đầu mối trong hoạt động xây dựng, phê duyệt kế hoạch TCVN trên cơ sở đề xuất của các bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp nên việc lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng TCVN là đảm bảo tính khách quan, loại bỏ những TCVN bị chồng chéo, trùng lặp, giúp đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống TCVN. Hoạt động này phù hợp với thông lệ quốc tế (việc lập và phê duyệt kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia do cơ quan đầu mối quốc gia về tiêu chuẩn thực hiện). Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định Bộ nào soạn thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn thì sau khi Bộ KH&CN thẩm định thì sẽ được quyền công bố.*

 Về nội dung này, UBTVQH thấy rằng, dự thảo Luật đã phân cấp, phân quyền các bộ ngành có quyền xây dựng TCVN đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của mình và giao Bộ KH&CN công bố (Điều 17) nhằm đảm tính thống nhất, đồng bộ của toàn hệ thống TCVN, phù hợp thông lệ quốc tế *(ISO/IEC Guide 21:2005 và ISO/IEC Guide 2:2004);* còn QCKT do các bộ chuyên ngành, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trực tiếp ban hành theo thẩm quyền (Điều 32).

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ việc tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào quá trình xây dựng TC&QCKT.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung sự tham gia của các tổ chức, cá nhân tham gia vào báo cáo đánh giá tác động khi xây dựng QCKT (điểm a khoản 1 Điều 27); bổ sung quy định các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực thi các nghĩa vụ minh bạch hóa và tuân thủ các nguyên tắc về thông báo, công bố thông tin, hỏi đáp, xử lý quan ngại thương mại về TC&QCKT (khoản 1 Điều 8b); bổ sung quy định khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia xây dựng, cập nhật, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT (điểm d khoản 4 Điều 8c)…

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc “đảm bảo tính ổn định TC&QCKT cho việc áp dụng của các tổ chức, cá nhân” để tránh trường hợp một số TC&QCKT ban hành nhưng gặp khó khăn trong việc áp dụng.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: việc xây dựng TC&QCKT được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản (Điều 6) và đã quy định việc xin ý kiến của các tổ chức, cá nhân liên quan trong trình tự thủ tục, xây dựng, thẩm định, ban hành TC&QCKT (Điều 17, Điều 32); đồng thời, đối với QCKT, dự thảo Luật đã bổ sung quy định thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động khi xây dựng QCKT với sự tham gia của các đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKT tương ứng như tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp (điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 27) nhằm đảm bảo tính khách quan, ổn định, hiệu lực, hiệu quả của QCKT khi được áp dụng trong thực tiễn. Do vậy, xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung hiệu lực của bản công bố TCCS và quy định niêm yết công khai tại nơi sản xuất kinh doanh; quy định rõ các trường hợp đặc biệt không được ban hành, áp dụng TCCS để phòng tránh trường hợp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ và tính mạnh người dân; các sản phẩm không biết có phải đối tượng được công bố TCCS nhưng đã công bố TCCS dẫn đến kiểm soát không chặt chẽ, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người*.

Về nội dung này, UBTVQH thấy rằng, việc xây dựng, công bố TCCS thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân (Điều 62 Luật TC&QCKT), theo đó, Luật TC&QCKT không quy định cụ thể về thời hạn công bố đối với TCCS. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với TCCS, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về việc tổ chức công bố TCCS có trách nhiệm thông báo việc công bố TCCS thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT(Điều 8c); bổ sung quy định giao Bộ KH&CN hướng dẫn trình tự, thủ tục, xây dựng, công bố TCCS (khoản 4 Điều 20). Ngoài ra, đối với các sản phẩm, hàng hoá có khả năng ảnh hưởng đến an toàn, sức khoẻ, môi trường, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ QCKT của cơ quan quản lý nhà nước ban hành.

*- Có ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại việc quy định phạm vi áp dụng TCCS theo hướng TCCS do cơ quan nhà nước công bố để áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực chuyên ngành kỹ thuật của tiêu chuẩn đó; TCCS do tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp công bố để áp dụng cho các hoạt động trong phạm vi của tổ chức đó.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Điều 20 Luật TC&QCKT quy định *“Tiêu chuẩn cơ sở do người đứng đầu tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật này tổ chức xây dựng và công bố để áp dụng trong các hoạt động của cơ sở”.* Theo đó, các TCCS do cơ quan nhà nước xây dựng chỉ áp dụng trong nội bộ các hoạt động của cơ quan đó. Nếu mở rộng phạm vi áp dụng TCCS của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành có thể dẫn đến tình trạng lạm dụng để trục lợi, lợi ích nhóm, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, UBTVQH đề nghị giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định tiêu chuẩn là tự nguyện áp dụng; làm rõ khi nào tiêu chuẩn trở thành bắt buộc áp dụng.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật TC&QCKT, tiêu chuẩn là tự nguyện áp dụng. Quy định này phù hợp với Hiệp định TBT. Tiêu chuẩn chỉ trở thành bắt buộc khi được dẫn chiếu vào QCKT hoặc các văn bản quy phạm pháp luật (Điều 23).

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “trước khi đưa sản phẩm, hàng hoá ra lưu thông trên thị trường. Đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hoá do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, khai thác” vào cuối khoản 2 Điều 45 Luật TC&QCKT.*

UBTVQH nhận thấy, nội dung ĐBQH đề nghị đã được quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật CLSPHH, trong đó quy định rõ người sản xuất có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với sản phẩm trước khi đưa ra thị trường và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất. Do vậy, UBTVQH xin không bổ sung vào dự thảo Luật này để tránh trùng lặp trong quá trình áp dụng pháp luật.

*- Có ý kiến đề nghị cần xem xét, bổ sung các chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu; bổ sung quy định về hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực cụ thể, ví dụ tiêu chuẩn khí thải EURO4 trong lĩnh vực giao thông, ô tô.*

UBTVQH nhận thấy, chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu sẽ được thể hiện trong Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia, trong đó, định hướng phát triển tiêu chuẩn quốc gia phục vụ các mục tiêu phát triển bền vững, yêu cầu hội nhập quốc tế...(điểm b khoản 2 Điều 8a). ***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, UBTVQH sẽ chỉ đạo Chính phủ chú trọng xây dựng tiêu chuẩn có liên quan đến biến đổi khí hậu trong triển khai Chiến lược Tiêu chuẩn quốc gia. Đối với việc hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, Luật TC&QCKT đã quy định cho phép tổ chức, cá nhân áp dụng trực tiếp (khoản 1 Điều 24). Do vậy, UBTVQH xin không bổ sung quy định về hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế.

*- Có ý kiến cho rằng việc bổ sung quy định cho phép các tổ chức xã hội nghề nghiệp công bố TCCS sẽ đáp ứng được nhu cầu của các tổ chức nhưng sẽ có rủi ro trong việc kiểm soát chất lượng đối với các hội không đặc thù hoặc hội không có đảng đoàn.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Khoản 3 Điều 11 Luật TC&QCKT đã quy định tổ chức xã hội nghề nghiệp là một trong những tổ chức được xây dựng và công bố TCCS. Quy định này phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm đẩy mạnh hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn tại doanh nghiệp. dự thảo Luật hiện nay giữ nguyên quy định của Luật TC&QCKT. Mặt khác, dự thảo Luật đã bổ sung trách nhiệm của cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm cập nhật các thông tin dữ liệu vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT (điểm c khoản 4 Điều 8c). Do vậy, UBTVQH đề nghị giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị nêu rõ cơ sở chính trị, căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận và thực tiễn, ưu, nhược điểm của từng phương án lựa chọn trong việc bổ sung quy định chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở. Việc tiếp thu cần phải đánh giá tác động, sự cần thiết để không làm tăng chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo sự minh bạch, cạnh tranh lành mạnh trong nước và quốc tế.*

***Tiếp thu*** ý kiến nêu trên, UBTVQH đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đã phối hợp với Bộ KH&CN (Cơ quan chủ trì soạn thảo) bổ sung, làm rõ cơ sở chính trị, lý luận và thực tiễn tại từng phương án (Điều 44 dự thảo Luật), cụ thể như sau:

***Phương án 1*:** ***Không bổ sung quy định chứng nhận sự phù hợp đối với TCCS và giữ như Luật hiện hành***.

- Ưu điểm của phương án này là không làm xáo trộn các quy định hiện hành, phù hợp với thực tiễn và bản chất của TCCS là tự xây dựng, công bố và tự nguyện áp dụng trong phạm vi cơ sở của mình, từ đó có thể phát triển, xây dựng trở thành tiêu chuẩn quốc gia để áp dụng rộng rãi.

- Hạn chế của phương án này:

+ Chưa phát huy, khai thác triệt để nguồn lực xã hội, các hiệp hội, doanh nghiệp lớn có những TCCS chất lượng cao nhưng không được sử dụng để chứng nhận khiến việc phổ biến, áp dụng các TCCS chưa được thực hiện rộng rãi và chưa hỗ trợ được nhiều cho hoạt động của hiệp hội, doanh nghiệp, từ đó dẫn đến chưa đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn.

+ Thực tiễn có những TCCS có chất lượng tốt, có quy định đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý cụ thể có thể đánh giá được bằng các phương pháp và phương tiện hiện có ở trong nước hoặc nước ngoài nhưng lại không được phép sử dụng để chứng nhận.

+ Chưa đảm bảo sự bình đẳng của tiêu chuẩn do các hiệp hội, doanh nghiệp trong nước xây dựng và các tiêu chuẩn do các hiệp hội, doanh nghiệp nước ngoài xây dựng. Thực tế cho thấy, tại Việt Nam, các tiêu chuẩn được xây dựng bởi các hiệp hội, doanh nghiệp nước ngoài vẫn được sử dụng để chứng nhận hợp chuẩn do nằm trong nhóm “tiêu chuẩn nước ngoài”. Quy định như Luật hiện hành làm hạn chế sự cạnh tranh của các hiệp hội, doanh nghiệp trong nước với các hiệp hội, doanh nghiệp nước ngoài trong việc khẳng định chất lượng sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất, kinh doanh.

***Phương án 2***: ***Bổ sung quy định việc chứng nhận sự phù hợp đối với TCCS của hội, hiệp hội ngành, nghề, cụ thể như sau:***

 “*Tiêu chuẩn dùng để chứng nhận hợp chuẩn là tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn cơ sở của hội, hiệp hội ngành, nghề hoạt động trong phạm vi toàn quốc, liên tỉnh hoặc tỉnh đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 40 của Luật này”.*

- Ưu điểm của phương án này:

+ Thúc đẩy xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, góp phần nâng cao ***Hạ tầng chất lượng quốc gia*** thông qua việc đề cao vai trò khu vực tư nhân trong tham gia vào hoạt động xây dựng theo lộ trình phù hợp, áp dụng tiêu chuẩn, đặc biệt là những TCCS có chất lượng cao, mở rộng phạm vi áp dụng của TCCS. Các hội, hiệp hội ngành, nghề có thể đẩy mạnh việc xây dựng các tiêu chuẩn có chất lượng cao để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thành viên, đồng thời, thu được lợi ích từ hoạt động chứng nhận TCCS khi các tổ chức khác có nhu cầu sử dụng TCCS để chứng nhận.

+ Phương án này được đặt ra kết hợp cùng một số biện pháp khác đã quy định trọng dự thảo Luật như “thông báo TCCS”, cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TCQCKT…sẽ giúp cơ quan QLNN có cơ sở tăng cường kiểm tra việc xây dựng, áp dụng TCCS, từ đó khắc phục tình trạng “không quản được thì cấm”.

+ Phù hợp với thông lệ quốc tế bởi các quốc gia trên thế giới đều đề cao vai trò của các hội, hiệp hội ngành, nghề trong việc xây dựng tiêu chuẩn, không chỉ giới hạn ở xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và còn là các TCCS. Việc cho phép chứng nhận TCCS là một biện pháp quan trọng được nhiều quốc gia áp dụng để thúc đẩy sự tham gia của các hội, hiệp hội ngành, nghề vào quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn. Hiện nay, tại Việt Nam, việc quản lý TCCS còn gặp khó khăn do số lượng lớn các TCCS được tự công bố mà không được cập nhật, rà soát, kiểm tra về chất lượng.

+ Đảm bảo sự bình đẳng của tiêu chuẩn do các hội, hiệp hội ngành, nghề trong nước xây dựng và các tiêu chuẩn do các hội, hiệp hội ngành, nghề nước ngoài xây dựng, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của hội, hiệp hội ngành, nghề trong nước so với các hội, hiệp hội ngành, nghề nước ngoài.

+ Đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với quy định của Luật TC&QCKT hiện hành khi có những TCCS đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật.

- Hạn chế của phương án này:

+ Chưa đánh giá hết khả năng triển khai trên thực tế, có thể có trường hợp lợi dụng để trục lợi, gây ảnh hưởng tiêu cực.

+ Quy trình xây dựng TCCS tại luật hiện hành khá mở và lỏng lẻo, không có quy định, cơ chế kiểm soát chất lượng xây dựng TCCS như đối với TCVN (có quy trình, tiêu chí thẩm tra, thẩm định dự thảo TCVN của bên thứ 3 độc lập trước khi công bố). Do vậy, nếu mở rộng quy định chứng nhận theo TCCS trong khi năng lực xây dựng tiêu chuẩn của một số hội, hiệp hội còn thấp dẫn đến rủi ro mất kiểm soát an toàn, chất lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, công trình; ảnh hưởng đến người dân.

+ Việc thực hiện chứng nhận TCCS của các hội, hiệp hội ngành, nghề có thể sẽ làm tăng chi phí sản xuất hàng hoá, dẫn đến tăng giá thành sản phẩm đến người tiêu dùng.

***Dự thảo Luật hiện đang được thể hiện theo 02 phương án để gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH, Chính phủ và các cơ quan hữu quan.***

*- Có ý kiến đề nghị quy định trình tự, thủ tục xây dựng, công bố tiêu chuẩn hội; quản lý chương trình chứng nhận tiêu chuẩn của các hội, hiệp hội; nhà nước bảo hộ các tiêu chuẩn này thông qua việc xác nhận quyền tác giả.*

 Về nội dung này, UBTVQH xin ***giải trình*** như sau: Theo thông lệ quốc tế và hướng dẫn của ISO thì tiêu chuẩn hội nằm trong nhóm tiêu chuẩn cơ sở (bao gồm tiêu chuẩn của các tổ chức kinh tế, tiêu chuẩn của hội/hiệp hội…) đã được quy định cụ thể về thẩm quyền xây dựng, trình tự, thủ tục xây dựng, công bố tại Luật TC&QCKT và các văn bản hướng dẫn luật. Hơn nữa, tiêu chuẩn hội không thuộc đối tượng được bảo hộ theo pháp luật về sở hữu trí tuệ. Do vậy, UBTVQH đề nghị giữ như dự thảo Luật.

**9. Về quyền của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia** *(Điều 15 dự thảo Luật hợp nhất)*

- *Có ý kiến đề nghị*  *quy định cụ thể hơn chính sách xã hội hóa cho phù hợp; bổ sung tiêu chí điều kiện trách nhiệm để các tổ chức, cá nhân được tham gia xây dựng TCVN.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã cụ thể hóa nội dung về chính sách xã hội hoá tại (*khoản 3, khoản 7, khoản 9 Điều 7; điểm d khoản 4 Điều 8c; khoản 4, khoản 5 Điều 11a*).

Đối với đề nghị bổ sung tiêu chí để các tổ chức, cá nhân được tham gia xây dựng TCVN: Theo quy định của Luật TC&QCKT, các tổ chức, cá nhân có quyền tham gia vào quá trình xây dựng TCVN. Đối với trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng TCVN đã được quy định tại khoản 6 Điều 11a. Mặt khác, khi tổ chức, cá nhân tham gia vào ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia thì đáp ứng tiêu chí, trách nhiệm do Bộ KH&CN quy định (khoản 3 Điều 16).

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, mở rộng hơn phạm vi tham gia của các Hội, Hiệp hội như trực tiếp xây dựng các TCVN, vì các Hội, Hiệp hội chuyên môn có vai trò quan trọng, có chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực chuyên ngành của Hội, Hiệp hội.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Khoản 2 Điều 15 Luật TC&QCKT đã quy định quyền của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng TCVN bao gồm hội, hiệp hội chuyên môn. Theo đó, hội, hiệp hội có quyền chủ trì biên soạn hoặc tham gia biên soạn dự thảo TCVN để đề nghị Bộ KH&CN tổ chức thẩm định, công bố. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

**10. Về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia; xuất bản và phát hành tiêu chuẩn** *(các Điều 17, 21 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật quy định “Trường hợp không đạt được sự nhất trí giữa hai bên (Bộ KHCN và cơ quan soạn thảo), Bộ KH&CN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định” là chưa phù hợp vì Bộ KH&CN đã được Luật TC&QCKT 2006 quy định là cơ quan được Chính phủ giao thống nhất quản lý hệ thống tiêu chuẩn, do đó đề nghị nên xem xét lại quy trình này.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý tại khoản 1 Điều 17.

*- Có ý kiến đề nghị quy định rõ “ngày” là ngày làm việc, vì nếu nói “ngày” như luật hiện này sẽ được hiểu là cả ngày nghỉ và ngày lễ.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định rõ ***“ngày làm việc”*** đối với các nội dung tại khoản 3 Điều 14, điểm d và đ khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 37; quy định ***“ngày”*** đối với các nội dung tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 17, điểm b khoản 1 Điều 32.

*- Có ý kiến đề nghị đánh giá về sự cần thiết quy định trình tự, thủ tục rút gọn tại khoản 3 Điều 17; ngoài việc ban hành theo thủ tục rút gọn thì cũng có thể cho phép áp dụng ngay các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài đối với những sản phẩm tương đồng.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung trình tự, thủ tục rút gọn theo hướng chỉ quy định về mặt nguyên tắc áp dụng trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ, bảo vệ an ninh quốc gia hoặc các tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật (khoản 4 Điều 17); đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục rút gọn (khoản 5 Điều 17).

*- Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu, quy định rõ để phân biệt thẩm quyền xuất bản, phát hành TCVN; trách nhiệm bản quyền của chủ thể xây dựng dự thảo TCVN; tiếp tục rà soát, hoàn thiện các vấn đề về bảo vệ, bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ đối với các TC&QCKT.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***giải trình*** như sau: Khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật đã quy định rõ thẩm quyền xuất bản, phát hành TCVN, trách nhiệm bản quyền của chủ thể xây dựng dự thảo TCVN. Theo đó, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia (điểm a khoản 2 Điều 21); Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia do mình xây dựng (điểm b khoản 2 Điều 21)*.* Đồng thời, bổ sung quy định việc xuất bản, phát hành tiêu chuẩn tuân thủ pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ (khoản 1 Điều 21).

*- Có ý kiến đề nghị việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, một việc chỉ do một cơ quan chịu trách nhiệm chính; bổ sung sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp; vai trò của hội bảo vệ người tiêu dùng, các hiệp hội nghề nghiệp trong hoạt động này.*

***Tiếp thu***ý kiến trên, dự thảo Luậtđã nghiên cứu, bổ sung một số quy định về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền *(Chi tiết các Điều, khoản sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II);* quy định nguyên tắc hoạt động trong lĩnh vực TC&QCKT (Điều 6) phải bảo đảm công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử và không gây trở ngại không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại. Việc xây dựng tiêu chuẩn phải bảo đảm sự tham gia và đồng thuận của các bên có liên quan; đồng thời, Điều 17 (liên quan đến xây dựng TCVN) và Điều 32 (liên quan đến xây dựng QCVN, QCĐP) quy định việc xây dựng TC&QCKT phải được lấy ý kiến rộng rãi các bộ ngành, cơ quan, hiệp hội, tổ chức, cá nhân có liên quan bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp, hội bảo vệ người tiêu dùng, các hiệp hội nghề nghiệp…Việc giải trình, tiếp thu, xử lý ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo TC&QCKT sẽ phải công khai trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT (Điều 8c) để các tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

*- Có ý kiến đề nghị việc đính chính TCVN chỉ nên quy định khái quát “đối với các TCVN có sai sót mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn”.*

***Tiếp thu***ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung quy định giao cho Bộ KH&CN thực hiện đính chính đối với TCVN có sai lỗi về thể thức trình bày, số hiệu tiêu chuẩn, nội dung biên tập mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn dựa trên cơ sở kết quả rà soát tiêu chuẩn quốc gia hoặc đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân (điểm d khoản 2 Điều 21)*.*

**11. Về trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật** *(Điều 27 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ) trong việc rà soát, ban hành quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết việc rà soát TC&QCKT và xem xét quy định bổ sung thẩm quyền đình chỉ TC&QCKT.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: việc rà soát, ban hành QCKT định kỳ do cơ quan ban hành QCKT thực hiện năm năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết (khoản 1 Điều 35); trên cơ sở kết quả rà soát thì cơ quan ban hành QCKT gửi xin ý kiến của Bộ KH&CN đối với QCKT (điểm a khoản 3 Điều 35), đối với QCĐP (điểm b khoản 3 Điều 35). ***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung quy định giao Bộ KH&CN hướng dẫn thực hiện nội dung này (khoản 4 Điều 35).

Đối với đề nghị xem xét bổ sung quy định về trách nhiệm của người đứng đầu, UBTVQH nhận thấy, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan được gắn với cơ quan ban hành QCKT và thực hiện theo Luật tổ chức Chính phủ. Do vậy, UBTVQH xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

**12. Về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật** *(Điều 32 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ các tiêu chí áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách tại khoản 4 Điều 32 dự thảo Luật hợp nhất; nghiên cứu sửa đổi quy trình xây dựng, thẩm định, công bố quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung trình tự, thủ tục rút gọn theo hướng chỉ quy định về mặt nguyên tắc áp dụng trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ, bảo vệ an ninh quốc gia; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của quy chuẩn kỹ thuật để kịp thời bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trường hợp cần bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội; trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. (khoản 3 Điều 32); đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục, xây dựng, thẩm định, ban hành QCKT (khoản 5 Điều 32).

*- Có ý kiến đề nghị quy định thống nhất cơ quan đầu mối hướng dẫn triển khai, xây dựng QCĐP, tránh tình trạng bảo hộ, lợi ích cục bộ, độc quyền sản phẩm, dịch vụ của địa phương, gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên ngoài địa phương đó.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung quy định Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao một cơ quan chuyên môn làm đầu mối, tổ chức việc xây dựng QCĐP với sự tham gia của đại diện các sở, ban, ngành, tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia có liên quan tại địa phương; thực hiện đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật địa phương (điểm a khoản 2 Điều 32). Đồng thời, bổ sung quy định cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương tổ chức hội đồng thẩm định dự thảo QCĐP (điểm d khoản 2 Điều 32) nhằm tránh lợi ích nhóm, gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bên ngoài địa phương.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về sự tham gia của các cơ quan chuyên môn trong quá trình xây dựng QCĐP, đặc biệt là QCĐP mang tính phức tạp, đòi hỏi chuyên sâu, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống QCVN và QCĐP; bổ sung quy định trách nhiệm giải trình của UBND tỉnh, thành phố đối với các ý kiến của tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến đối với dự thảo QCĐP như đối với xây dựng QCVN. Đồng thời, nội dung dự thảo QCĐP và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân phải được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương đó.*

***Tiếp thu*** ý kiến trên, dự thảo Luật đã bổ sung sự tham gia của đại diện các sở, ban, ngành, tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia có liên quan tại địa phương (điểm a khoản 2 Điều 32); lấy ý kiến rộng rãi công khai của tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương; tổ chức hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các bên có liên quan để góp ý về dự thảo trong vòng 60 ngày (điểm b khoản 2 Điều 32) và đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử của mình và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT (điểm c khoản 2 Điều 32).

*- Có ý kiến đề nghị quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp của các cơ quan chủ trì trong xây dựng các QCKT phải minh bạch, sát thực tiễn và chịu trách nhiệm với các TC&QCKT được ban hành; trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc rà soát, ban hành, sửa đổi QCVN, định kỳ báo cáo Chính phủ*.

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm phối hợp của các cơ quan chủ trì trong trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành QCKT (Điều 27) và trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành QCKT, trong đó có nội dung tổ chức xây dựng lập báo cáo đánh giá tác động với sự tham gia của cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp có liên quan (Điều 32) để đảm bảo minh bạch, khả thi khi áp dụng.

*- Có ý kiến đề nghị rà soát, làm rõ, bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ KH&CN và các cơ quan trong việc thẩm định QCVN bảo đảm tính thống nhất, khách quan, tránh lợi ích nhóm, cục bộ của các bộ trong xây dựng, ban hành QCVN, đặc biệt trong xử lý một số lĩnh vực giao thoa về phạm vi, đối tượng áp dụng, chồng chéo về thẩm quyền trong xây dựng QCVN.*

UBTVQH nhận thấy, khoản 9 Điều 1 dự thảo Luật do Chính phủ trình tại Kỳ họp thứ 8 *đã quy định giao trách nhiệm thẩm định cho các cơ quan ban hành QCVN*. Theo đó, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực sẽ xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý. Quy định theo hướng này nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của các cơ quan trong quá trình xây dựng, thẩm định, ban hành QCVN.

 Tuy nhiên, tại Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo quy định *tiếp tục kiện toàn tổ chức hoạt động cơ quan tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng* ***chỉ một đầu mối cấp quốc gia*** *để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thống nhất từ Trung ương đến địa phương.* Do vậy, việc quy định như dự thảo Luật do Chính phủ trình tại Kỳ họp thứ 8 chưa thể chế hóa quan điểm chỉ đạo tại Chỉ thị số 38-CT/TW.

Trên cơ sở nghiên cứu, ***tiếp thu*** ý kiến ĐBQH và ***thể chế hóa kịp thời*** Chỉ thị số 38-CT/TW, UBTVQH đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban KH,CN&MT phối hợp với Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý điểm d khoản 1 Điều 32 dự thảo Luật theo hướng giao Bộ KH&CN thẩm quyền chủ trì thẩm định QCVN. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, đánh giá làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của quy định này.

*- Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu về sự cần thiết ban hành QCĐP vì cho rằng thực tế chỉ có rất ít địa phương ban hành QCĐP và nếu có ban hành thì nội dung không khác nhiều so với QCVN, trong khi trình tự, thủ tục để ban hành văn bản này mất rất nhiều thời gian, phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: QCĐP được xây dựng để áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương và yêu cầu cụ thể về môi trường cho phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, thuỷ văn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đối với một số QCĐP đã có QCVN thì địa phương vẫn phải thực hiện đúng các quy định tại QCVN, tuy nhiên địa phương có thể đưa thêm một số chỉ tiêu chưa quy định hoặc không bị QCVN giới hạn nhằm đảm bảo sản phẩm, hàng hoá hoá đặc thù và các yêu cầu về môi trường được kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

**13. Về công bố hợp quy** *(Điều 48 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, sửa đổi dự thảo Luật theo hướng doanh nghiệp có thể tự mình nộp hồ sơ công bố hợp quy hoặc uỷ quyền cho đơn vị đánh giá sự phù hợp nộp hồ sơ (Luật hiện nay quy định doanh nghiệp phải tự mình làm thủ tục công bố hợp quy tới cơ quan nhà nước);*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, nội dung này và các nội dung liên quan đến cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy sẽ được quy định trong văn bản hướng dẫn Luật.

*- Có ý kiến đề nghị chỉnh sửa**Khoản 2 Điều 48 dự thảo Luật thành “Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi đưa sản phẩm, hàng hoá ra lưu thông trên thị trường. Đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hoá do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, khai thác”; Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục lấy ý kiến của các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, đánh giá tác động kỹ lưỡng để xem xét có thực sự cần thiết phải thực hiện việc công bố hợp quy sản phẩm hay không.*

 Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật TC&QCKT, theo đó, tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy có các nghĩa vụ: *“a) Bảo đảm sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; b) Thể hiện đúng các thông tin đã ghi trong giấy chứng nhận hợp quy, bản công bố hợp quy trên sản phẩm, hàng hoá, bao gói của sản phẩm, hàng hoá, trong tài liệu về đối tượng đã được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy”.* Đồng thời, Điều 28 của Luật CLSPHH đã quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường, theo đó, người sản xuất phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với sản phẩm thuộc nhóm 2. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cho phép tổ chức, cá nhân được quyền lựa chọn hợp quy theo quy chuẩn mới ban hành và chưa có hiệu lực.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Thực tiễn ban hành và áp dụng QCKT, quy chuẩn bắt buộc áp dụng từ thời điểm có hiệu lực, chỉ khuyến khích tổ chức, cá nhận áp dụng QCKT mới ban hành, trước thời điểm có hiệu lực chính thức. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung cơ chế hậu kiểm để xác định sản phẩm hàng hoá có phù hợp với QCKT nhằm tạo sự linh hoạt trong công tác quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý chuyên ngành cũng như cân bằng chi phí bỏ ra để giám sát an toàn và lợi ích thu được từ việc giám sát đó.*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, Khoản 9 Điều 1 dự thảo Luật Chính phủ trình tại Kỳ họp thứ 8 (sửa đổi, bổ sung Điều 32 Luật TC&QCKT) đã quy định thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động khi xây dựng QCKT, với sự tham gia của các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp, người dân là đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCVN tương ứng; theo đó, Bộ KH&CN sẽ xây dựng văn bản hướng dẫn Luật quy định trình tự, nội dung cụ thể của việc lập báo cáo đánh giá tác động, trong đó, có quy định về xác định các mức rủi ro/nguy cơ đối với sản phẩm cần quản lý theo đúng thông lệ quốc tế. Trên cơ sở các mức rủi ro/nguy cơ (mức rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp) này sẽ quy định biện pháp quản lý phù hợp dựa trên: Kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân (Đánh giá bên thứ nhất) đối với hàng hóa có mức rủi ro thấp; Kết quả đánh giá của tổ chức ĐGSPH được chỉ định theo quy định của pháp luật (Đánh giá bên thứ ba) đối với hàng hóa có mức rủi ro trung bình, cao; cũng như sẽ áp dụng biện pháp quản lý tiền kiểm đối với hàng hóa có mức rủi ro trung bình, cao hay kiểm tra hậu kiểm đối với hàng hóa có mức rủi ro thấp đảm bảo theo đúng thông lệ quốc tế, tránh gây lãng phí nguồn lực quản lý nhà nước và nguồn lực xã hội. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

**14. Về tổ chức đánh giá sự phù hợp, hoạt động công nhận; Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp** *(các Điều 53, 57 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến cho rằng, về loại hình tổ chức đánh giá sự phù hợp, cần khẩn trương đưa các tổ chức đánh giá sự phù hợp thuộc sở hữu nhà nước thành các công ty cổ phần nhằm đảm bảo công bằng giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp sở hữu tư nhân với các tổ chức đánh giá sự phù hợp nhà nước. Điều này đảm bảo tất cả các tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam đều tuân theo một chuẩn mực quốc tế.*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, Luật TC&QCKT đã quy định về nguyên tắc của hoạt động TC&QCKT. Điều 50 của dự thảo Luật Chính phủ trình tại Kỳ họp thứ 8 đã quy định đầy đủ các loại hình tổ chức đánh giá sự phù hợp hiện nay đang hoạt động tại Việt Nam, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với nội dung cổ phẩn hóa các tổ chức ĐGSPH nhà nước không thuộc phạm vi của Luật TC&QCKT. Tuy nhiên, hiện nay, các tổ chức ĐGSPH tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài chỉ tập trung hoạt động trong các lĩnh vực có khả năng tạo doanh thu cho doanh nghiệp, trong khi đó, các tổ chức ĐGSPH thuộc các cơ quan nhà nước phải thực hiện các hoạt động ĐGSPH mà tư nhân ít đầu tư (thậm chí không có tổ chức nào đầu tư) do chi phí đầu tư cao, nhưng lợi nhuận thấp, do vậy, các hoạt động ĐGSPH này là các nhiệm vụ mang tính chính trị (không có lợi nhuận), phục vụ công tác quản lý nhà nước, phục vụ cộng đồng, người dân như: thử nghiệm vắc xin, dược phẩm; thiết bị phóng xạ; vật tư, trang thiết bị chống dịch...Vì thế nếu không cho các tổ chức ĐGSPH của nhà nước thực hiện các hoạt động trên, thì sẽ không có tổ chức ĐGSPH thực hiện các nhiệm vụ an sinh, xã hội trên. Do vậy, UBTVQH xin được giữ như dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về điều kiện hoạt động (năng lực kỹ thuật, cơ sở vật chất, chuyên gia…) của tổ chức đánh giá sự phù hợp để tránh trường hợp các tổ chức đánh giá sự phù hợp có bộ máy tổ chức nhưng không có máy móc, thiết bị thử nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu TCVN, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp.*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, Luật TC&QCKT đã quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức ĐGSPH (khoản 1 Điều 51) và giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này (khoản 2 Điều 51) để phù hợp với điều kiện thực tế. Hơn nữa, tại khoản 2 Điều 52 dự thảo Luật hợp nhất đã quy định nghĩa vụ của tổ chức ĐGSPH. Việc các tổ chức ĐGSPH không có máy móc, thiết bị thử nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu TCVN, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng như ĐBQH nêu thuộc khâu tổ chức thực hiện Luật. Do vậy, đề nghị Chính phủ chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện hoạt động này và rà soát các quy định liên quan tại Luật CLSPHH khi trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 để đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa 02 Luật.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định tổ chức ĐGSPH phải công khai danh sách các ĐGSPH để bảo đảm tính công khai, minh bạch, đồng thời đề nghị làm rõ mối quan hệ quy định nêu trên giữa hai luật.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: quy định về ĐGSPH trong Luật TC&QCKT chỉ xác định điều kiện hoạt động, quyền, nghĩa vụ của tổ chức ĐGSPH; còn hoạt động ĐGSPH trong Luật CLSPHH quy định phương thức đánh giá sự phù hợp trong đó có việc chỉ định tổ chức ĐGSPH cho một số hoạt động đánh giá (khoản 9 Điều 3). Do vậy, xin không bổ sung vào dự thảo Luật này để tránh trùng lặp trong hệ thống pháp luật; đồng thời, nội dung này sẽ được nghiên cứu, xem xét chỉnh lý trong Luật CLSPHH khi trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 để đảm bảo thống nhất giữa 02 Luật.

*- Có ý kiến đề nghị xem xét, bổ sung điều kiện hoạt động cho tổ chức ĐGSPH nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do, đồng thời tăng cường yêu cầu về nâng cấp quy trình cho việc đăng ký của tổ chức; đề nghị rà soát các tiêu chí công bằng và minh bạch trong hoạt động của các tổ chức ĐGSPH, đặc biệt giữa tổ chức trong nước và nước ngoài. Các tổ chức ĐGSPH nước ngoài phải báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động tại Việt nam và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: khoản 2 Điều 50 và Điều 51 Luật TC&QCKT đã quy định tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài được thành lập, hoạt động tại Việt Nam; tiêu chí, nghĩa vụ của các tổ chức ĐGSPH nước ngoài hoạt động tại Việt Nam cũng như đối với tổ chức ĐGSPH trong nước đảm bảo công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử. Trường hợp tổ chức ĐGSPH được thành lập ở nước ngoài thì phải tuân thủ quy định pháp luật của nước sở tại; hoạt động cung cấp dịch vụ ĐGSPH xuyên biên giới của tổ chức này sẽ được thực hiện theo hiệp định, thoả thuận về công nhận, thừa nhận lẫn nhau trong khuôn khổ hợp tác đa phương, song phương giữa Việt Nam và các nước. Do vậy, xin không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật.

*- Có ý kiến đề nghị cần quy định rõ hơn về các chế tài xử phạt, trách nhiệm bồi thường đối với các tổ chức ĐGSPH không tuân thủ các quy định pháp luật hoặc cung cấp kết quả sai lệch, không khách quan.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về, trách nhiệm bồi thường đối với các tổ chức đánh giá không tuân thủ các quy định pháp luật hoặc cung cấp kết quả sai lệch, không khách quan tại khoản 2 Điều 52.

**15.** **Về các quy định liên quan đến điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật** *(Chương V dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung chính sách bảo đảm nguồn lực cho hoạt động, lĩnh vực về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; bổ sung các chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đóng góp cho hoạt động xây dựng TC&QCKT; đầu tư xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao xây dựng tiêu chuẩn và hội nhập quốc tế; ý kiến khác đề nghị thể chế hóa đầy đủ Chỉ thị số 38/CT-TW.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, thể chế đầy đủ Chỉ thị số 38/CT-TW, dự thảo Luật đã chỉnh lý, bổ sung một Chương V quy định về bảo đảm điều kiện, nguồn lực cho công tác quản lý hoạt động trong lĩnh vực TC&QCKT, bao gồm các nội dung về nguồn kinh phí xây dựng TC&QCKT (Điều 58, Điều 59); bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý trong lĩnh vực TC&QCKT (Điều 60); bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường (Điều 61); phát triển các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong hạ tầng chất lượng quốc gia (Điều 62).

**16. Về trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ KH&CN; trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ** *(các Điều 59, 60 dự thảo Luật hợp nhất)*

*- Có ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung quy định rõ trách nhiệm của Bộ KH&CN để bảo đảm tính thống nhất, khách quan, tránh lợi ích nhóm, cục bộ của các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng, công bố TCVN, ban hành QCKT, đặc biệt trong xử lý một số lĩnh vực giao thoa về phạm vi, đối tượng áp dụng, chồng chéo về thẩm quyền trong xây dựng TCVN, QCVN; quy định trách nhiệm của các Bộ ngành trong việc phối hợp với Bộ KH&CN và xây dựng cơ chế giám sát hoạt động để đảm bảo minh bạch và hiệu quả của hoạt động quản lý.*

***Tiếp thu*** ý kiến trên, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm chủ trì của Bộ KH&CN trong xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia (Điều 8a), điều phối và kiểm soát chung các hoạt động liên quan đến hàng rào kỹ thuật trong thương mại, phân tích đánh giá tác động của các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (khoản 3 Điều 8b), đầu mối xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT (Điều 8c), tổ chức lập và phê duyệt Kế hoạch xây dựng TCVN (Điều 14), thành lập, tổ chức hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia (Điều 16), tổ chức thẩm định, công bố TCVN (Điều 17), tổ chức thẩm định QCVN (Điều 32)… Đồng thời, dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp lập kế hoạch, xây dựng, thẩm định, công bố TCVN, ban hành QCVN, đảm bảo đảm tính thống nhất, khách quan, tránh lợi ích nhóm, cục bộ của các bộ, ngành, địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Điều 14, Điều 17, Điều 19, Điều 32, Điều 35, Điều 57…).

 **17. Về một số nội dung khác**

*- Có ý kiến đề nghị hợp nhất 02 Luật TC&QCKT và Luật CLSPHH, trong đó dành một số chương, điều về TC&QCKT vì các lý do: (i) khái niệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hiện nay đã bao hàm cả yếu tố an toàn sản phẩm của hàng hóa, (ii) TC&QCKT là một công cụ để quản lý, kiểm soát chất lượng và an toàn sản phẩm, hàng hóa; (iii) thuận tiện cho cơ quan quản lý và người dân, doanh nghiệp truy cập và thực hiện.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau:

**(1)** Mục tiêu quản lý của Luật TC&QCKT là *xây dựng, ban hành*các TC&QCKT bảo đảm đúng yêu cầu, quy trình và chất lượng; TC&QCKT được sử dụng làm công cụ kỹ thuật để phân loại, đánh giá chất lượng, mức giới hạn các chỉ tiêu trong sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phải tuân thủ. *Hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật* còn được thực hiện theo *chuẩn mực* vàdựa trên*06 nguyên tắc[[1]](#footnote-1)* quy định tại Hiệp định về các Rào cản kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT[[2]](#footnote-2)) và các quy định của Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa (ISO), bảo đảm không có sự sai khác giữa các quốc gia. Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Trong khi đó, mục tiêu xây dựng Luật CLSPHH nhằm quản lý chất lượng của sản phẩm, hàng hóa, tập trung vào việc *kiểm soát, đánh giá, xác định các chỉ tiêu, yêu cầu kỹ thuật* của sản phẩm đó *đúng với tiêu chuẩn, quy chuẩn* đã được công bố áp dụng hay không và quy định các phương pháp, biện pháp quản lý để đạt yêu cầu chất lượng *dựa trên tiêu chuẩn, quy chuẩn* được công bố áp dụng, đặc biệt là với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 (nhóm phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật).

Như vậy, 02 Luật này *có mối quan hệ chặt chẽ với nhau,* đều liên quan đến TC&QCKT. Tuy nhiên, đối tượng của hoạt động TC&QCKT *rộng hơn,* gồm cả dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế -xã hội, không chỉ giới hạn là sản phẩm, hàng hóa như Luật CLSPHH.

**(2)**Hiện tại, theo yêu cầu rất khẩn trương về hoàn thiện thể chế, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về chính sách nên Chính phủ chỉ trình sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT năm 2006 để tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc; cụ thể gồm: *(1) Thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực* *TC,QCKT; (2) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về TC,QCKT; bảo đảm hệ TC,QCKT phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; (3) Nâng cao tính khả thi của Luật TC&QCKT và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; (4) Tiếp thu, nội luật hóa các cam kết quốc tế, bảo đảm sự tương thích giữa quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp với các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, đặc biệt là các quy định liên quan đến minh bạch hóa, giảm thiểu các rào cản kỹ thuật trong thương mại, thuận lợi hóa thương mại.*

Đến thời điểm này, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT đã trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8, hiện đang trong giai đoạn giải trình, tiếp thu ý kiến của các ĐBQH và các tổ chức, cá nhân để trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Trong khi dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH dự kiến trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025); xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025). Để có đầy đủ cơ sở lý luận, thực tiễn để hợp nhất 02 dự án Luật, bảo đảm tính khả thì *cần có thêm thời gian* để đánh giá tác động, nghiên cứu toàn diện, thực hiện đầy đủ các công đoạn xây dựng chính sách, pháp luật theo quy định (khảo sát, dự thảo văn bản, xin ý kiến, đánh giá tác động, thẩm định, thẩm tra…). Ngoài ra, việc hợp nhất 02 Luật *còn đặt ra yêu cầu phải sửa đổi nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan, có thể thay đổi cơ chế quản lý hiện hành, khó khăn trong tổ chức thực hiện.*

**(3)**Theo hệ thống pháp luật ở một số quốc gia thì pháp luật về TC&QCKT cũng độc lập với pháp luật về CLSPHH như: Luật Tiêu chuẩn Trung Quốc và Luật Chất lượng sản phẩm Trung Quốc; Luật Tiêu chuẩn Hàn Quốc và Luật về trách nhiệm sản phẩm Hàn Quốc; Luật Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản, Luật tiêu chuẩn hóa chất lượng và Luật kiểm soát sản phẩm Nhật Bản; Luật Tiêu chuẩn Malaysia, Luật Tiêu chuẩn Ấn Độ; Luật Tiêu chuẩn Thái Lan và Quy định chất lượng thực phẩm Thái Lan…Việc xây dựng tách biệt 02 Luật của Việt Nam cũng không ngoại lệ và đã được tham khảo từ kinh nghiệm xây dựng pháp luật của nhiều quốc gia.

Từ những lý do nêu trên, UBTVQH thấy rằng, ***tại thời điểm hiện nay, việc hợp nhất 02 dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT và Luật CLSPHH là chưa thực sự phù hợp.***

Tuy nhiên, nghiên cứu ***tiếp thu*** các ý kiến góp ý, UBTVQH sẽ chỉ đạo Thường trực Ủy ban KH,CN&MT phối hợp với các cơ quan hữu quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) tiếp tục rà soát, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT và dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH ***bảo đảm yêu cầu đồng bộ, thống nhất, kết nối, liên thông, không chồng chéo, thuận lợi, hiệu quả và khả thi*.**

*- Có ý kiến đề nghị bỏ quy định công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vì các lý do sau:*

*(i) Việc quy định này mang tính hình thức gây phát sinh nhiều chi phí, vật chất, thời gian cho người sản xuất, kinh doanh;*

*(ii) Gây cản trở cho hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hoá vì phải lấy mẫu thử nghiệm để công bố sản phẩm, hàng hoá, vô hình chung đã buộc 100% lô hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam phải tiến hành kiểm tra chất lượng trước thông quan, làm chậm thời gian thông quan lô hàng, làm tăng chi phí hàng hoá nhập khẩu, gây cản trở hoạt động thương mại điện tử.*

Về vấn đề này,UBTVQH nhận thấy, việc công bố hợp quy là việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật mà tổ chức, cá nhân đó áp dụng dựa trên cơ sở kết quả chứng nhận hợp quy do *tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện* hoặc kết quả *tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân(Điều 48 Luật TC&QCKT)*. Theo quy định của Hiệp định TBT (Điều 5,6), Hiệp định CPTPP (Khoản 8.6 của WTO và Hiệp định EVFTA (Điều 5.6) mặc dù không quy định bắt buộc phải hợp quy *nhưng có yêu cầu chặt chẽ về việc đánh giá sự phù hợp để bảo đảm chắc chắn các sản phẩm phù hợp với quy chuẩn hoặc hướng dẫn có liên quan và không gây rào cản cần thiết trong thương mại*. Do đó, sau khi chứng nhận hợp quy thì việc công bố hợp quy là cần thiết để minh chứng cho người tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn mà cơ sở đó áp dụng nhằm tạo niềm tin cho người tiêu dùng, bảo đảm khách quan, minh bạch, thuận lợi, tiết kiệm chi phí (các giao dịch mua bán không phải kiểm tra, đánh giá lại vì đã có bên thứ ba đánh giá trước khi công bố); là cơ sở giải quyết tranh chấp (nếu có) liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đồng thời giúp cho cơ quan quản lý nhà nước biết sự tồn tại, chất lượng, tiêu chuẩn mà cơ sở sản xuất đó áp dụng. Trình tự thủ tục công bố hợp quy không quy định trong Luật mà quy định trong Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN, ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN[[3]](#footnote-3) quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương pháp đánh giá sự phù với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

 Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện, UBTVQH đề nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan hữu quan tiếp tục nghiên cứu, rà soát các quy định về trình tự, thủ tục công bố hợp chuẩn, hợp quy cho phù hợp với điều kiện thực tế theo hướng ***đơn giản tối đa thủ tục hành chính, tránh chồng chéo, trùng lặp và áp dụng các công nghệ mới*** trong việc công bố hợp quy, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm tiết kiệm chi phí[[4]](#footnote-4). Đồng thời, trong quá trình thẩm tra và giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật TC&QCKT trước khi trình Quốc hội xem xét, thông qua, UBTVQH sẽ chỉ đạo Thường trực Ủy ban KH,CN&MT và các cơ quan hữu quan ***tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng cơ sở pháp lý và thực tiễn liên quan, đề xuất phương án hoàn thiện*** các quy định liên quan đến công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa, báo cáo UBTVQH xem xét, quyết định.

*Về nhận định công bố hợp quy gây cản trở cho hoạt động xuất khẩu,* UBTVQH nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Luật CLSPHH hiện hành thì người xuất khẩu hàng hóa phải bảo đảm hàng hóa xuất khẩu phù hợp với quy định của nước nhập khẩu, hợp đồng hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp với nước, vùng lãnh thổ có liên quan. Theo đó, người xuất khẩu hàng hóa ***không phải lấy mẫu thử nghiệm và thực hiện công bố hợp quy.*** Đồng thời, dự thảo Luật không đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tại các Điều này, do đó, kiến nghị của các Hội, Hiệp hội là chưa có cơ sở.

*Đối với nhận định công bố hợp quy gây cản trở hàng hóa nhập khẩu*, UBTVQH nhận thấy, việc doanh nghiệp phải *lấy mẫu* sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu để *đánh giá sự phù hợp và công bố* hợp quy ***là cần thiết*** *với lý do đã nêu ở phần trên*. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy một số quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, EU, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản… còn sử dụng quy chuẩn kỹ thuật là một dạng rào cản kỹ thuật hợp pháp để hạn chế hàng hoá nhập khẩu, bảo hộ sản xuất trong nước hoặc nâng cao chất lượng hàng hoá nhập khẩu. ***Tuy nhiên***, để khắc phục tình trạng này, khoản 15 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT đã sửa đổi, bổ sung Điều 57 theo hướng quy định cụ thể nội dung về Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp. Mặt khác, khoản 15 Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH đã sửa đổi, bổ sung Điều 26 theo hướng viện dẫn đến thực hiện theo pháp luật về TC&QCKT. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 4 Luật CLSPHH hiện hành quy định “*Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó*”. Do đó, theo các quy định nêu trên, trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã được đánh giá sự phù hợp theo các điều ước quốc tế có điều khoản quy định về thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp thì ***không phải thực hiện đánh giá lại***. Đồng thời, trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa dự kiến trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa.

 *Đối với ý kiến cho rằng việc phải kiểm tra chất lượng trước thông quan, làm chậm thời gian thông quan lô hàng, làm tăng chi phí hàng hoá nhập khẩu, gây cản trở hoạt động thương mại điện tử,* UBTVQH nhận thấy, nội dung này thuộc phạm vi của Luật CLSPHH (quy định tại Mục 3, Mục 4 Chương 3 Luật CLSPHH). Theo đó, đối với sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu để quản lý chặt chẽ, bảo đảm hàng hoá nhập khẩu đủ điều kiện không làm ảnh hưởng đến an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng cũng như tuân thủ theo quy định của các Điều ước quốc tế. ***Tuy nhiên,*** theo Cơ quan chủ trì soạn thảo, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CLSPHH trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) đã khắc phục bất cập này theo hướng người nhập khẩu chỉ phải thực hiện **01** thủ tục hành chính theo mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa *(thực hiện kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu đối với hàng hóa rủi ro cao* ***hoặc công bố hợp quy*** *trước khi lưu thông trên thị trường đối với hàng hóa có rủi ro trung bình, thấp);* giao Chính phủ quy định cụ thể về việc miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

Đồng thời, nghiên cứu ***tiếp thu*** ý kiến nêu trên, UBTVQH đề nghị Chính phủ chỉ đạo tiếp tục rà soát, hoàn thiện, bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật này và các luật chuyên ngành như Luật An toàn thực phẩm, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Thú y, Luật Hải quan, Luật Đa dạng sinh học, Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm…; đồng thời nghiên cứu, đánh giá tổng kết việc thực hiện quy định này để sửa đổi, bổ sung trong dự thảo trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9.

*(iii) Việc lấy mẫu thử nghiệm để chứng nhận hợp quy trong thời gian 03 năm, sau công bố, cơ chế gì bảo đảm lô sản xuất sau đều hợp với quy chuẩn kỹ thuật đã công bố.*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, trong Luật TC&QCKT đã quy định rõ nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận hợp quy, trong đó có nghĩa vụ bảo đảm sự phù hợp của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (khoản 2 Điều 49); ngoài ra, tại khoản 2 Điều 52 Luật TC&QCKT đã quy định nghĩa vụ của tổ chức chứng nhận sự phù hợp, trong đó có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá sự phù hợp, bồi thường thiệt hại nếu cung cấp sai kết quả. Đồng thời, các phương thức đánh giá sự phù hợp quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (Phụ lục II nội dung, trình tự và nguyên tắc sử dụng các phương thức đánh giá sự phù hợp) có quy định tần suất đánh giá giám sát phải đảm bảo không quá 12 tháng/1 lần đối với trường hợp sản phẩm hàng hóa được cấp Giấy chứng nhận có thời hạn 3 năm. Quy định này phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17067 *(việc chứng nhận hợp quy sẽ tùy thuộc vào từng phương thức chứng nhận được lựa chọn mà giấy chứng nhận hợp quy có thời hạn giá trị khác nhau, cụ thể: nếu đánh giá theo Phương thức 1- Mẫu đại diện thì Giấy chứng nhận có giá trị cho chính sản phẩm được đánh giá; nếu đánh giá theo Phương thức 7 thì Giấy chứng nhận có giá trị cho lô hàng; nếu đánh giá theo Phương thức 2, 3, 4, 5, 6 đây là các phương thức có đánh giá quá trình sản xuất thì Giấy chứng nhận có giá trị 03 năm và trong thời hạn 03 năm của GCN thì tổ chức chứng nhận phải thực hiện đánh giá giám sát tại cơ sở sản xuất với tần suất đánh giá không quá 12 tháng/1 lần).*”

Như vậy, sau khi doanh nghiệp được cấp chứng nhận hợp quy cho sản phẩm (thời hạn hiệu lực chứng nhận là 03 năm), trong thời gian hiệu lực chứng nhận, doanh nghiệp sẽ chịu sự giám sát định kỳ của của tổ chức chứng nhận sự phù hợp theo quy định. Đồng thời, doanh nghiệp còn phải: *“Tuân thủ các quy định, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”* (khoản 11 Điều 10 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa). Theo đó, các cơ chế, quy định trên đủ ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp để các lô sản xuất sau tuân thủ đúng quy chuẩn kỹ thuật đã công bố.

 *- Có ý kiến cho rằng đã áp dụng các điều kiện sản xuất, kinh doanh, hệ thống quản lý chất lượng GMP, HACCP,…thì cơ sở đã phải đảm bảo đủ điều kiện vật chất kỹ thuật, năng lực quản lý, tuân thủ việc giám sát thì mới được chứng nhận nhưng vẫn phải công bố hợp quy là trùng lặp, tốn kém chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.*

Về nội dung này, UBTVQH nhận thấy, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến góp phần đáng kể nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, giám sát, kiểm soát chất lượng, rủi ro trong toàn bộ quá trình sản xuất. Theo giải thích khái niệm về GMP[[5]](#footnote-5), HACCP[[6]](#footnote-6) thì GMP, HACCP ***không phải là tiêu chuẩn sản phẩm*** mà là ***tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng***. Do đó, hoạt động chứng nhận GMP, HACCP không phải là chứng nhận sản phẩm, không chứng minh sản phẩm, hàng hóa ***đáp ứng các đặc tính*** theo yêu cầu trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Như vậy, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cũng chỉ đánh giá năng lực quản lý, kỹ thuật của doanh nghiệp, ***không thay thế quy chuẩn kỹ thuật*** mà doanh nghiệp áp dụng.

Do đó, việc công bố hợp quy là cần thiết để xác định CLSPHH của doanh nghiệp theo tiêu chuẩn công bố áp dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và thuận lợi hóa trong giao dịch thương mại. Mặt khác, theo quy định pháp luật hiện hành, việc chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO, GMP, HACCP,...được thực hiện theo các quy trình của đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng[[7]](#footnote-7) ***khác với với quy trình công bố hợp quy*** (theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN).

Tuy nhiên, trên thực tế, doanh nghiệp có hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến sẽ thuận tiện rất nhiều trong việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cao. Đồng thời, trong quá trình đánh giá chứng nhận sản phẩm, các tổ chức chứng nhận sẽ không đánh giá lại quá trình sản xuất của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp đã áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, chỉ tiến hành xem xét, đánh giá việc duy trì hệ thống quản lý và lấy mẫu sản phẩm trong quá trình sản xuất để thử nghiệm, đánh giá theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Đối với ý kiến về công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa đã được báo cáo tại điểm (i) mục 2 của văn bản này.

*- Có ý kiến đề nghị không nên quy định quá cụ thể và bắt buộc về chất lượng và an toàn sản phẩm với hàng hóa xuất khẩu, tùy theo yêu cầu đặt hàng của mỗi quốc gia, thị trường. Trong nội dung sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đang trình các cơ quan Quốc hội thẩm định lại đưa công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa sản phẩm xuất khẩu tương tự như sản phẩm hàng trong nước là không phù hợp, sẽ phát sinh bất lợi cho xuất khẩu hàng hóa Việt Nam. Đề nghị giữ nguyên nội dung này như Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.*

 Về vấn đề này, UBTVQH xin báo cáo như sau: việc công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy được quy định tại Điều 45, Điều 48 của Luật TC&QCKT hiện hành. Điều 45 (Công bố hợp chuẩn), Điều 47 (Công bố hợp quy) của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT đang trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến *không quy định các nội dung đề nghị*. Đối với ý kiến về công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu đã được báo cáo tại điểm (ii) mục 2 của văn bản này.

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm các chế tài, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương khi xây dựng, ban hành các luật, văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan đến chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá phải đảm bảo tính thống nhất quy phạm và quan điểm kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá Việt Nam*

***Tiếp thu*** ý kiến nêu trên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT đã bổ sung các quy định đảm bảo tính thống nhất và quan điểm kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá Việt Nam. Cụ thể, khoản 1 Điều 4 về áp dụng pháp luật đã quy định *“Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì áp dụng quy định của Luật này”;* bổ sung quy định vai trò của Bộ KH&CN *là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật* tại điểm b khoản 2 Điều 7a; bổ sung quy định về vai trò thẩm định của Bộ KH&CN để đảm bảo *tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, việc tuân thủ nguyên tắc đồng thuận và hài hoà lợi ích của các bên có liên quan* tại điểm c khoản 2 Điều 18 đối với tiêu chuẩn quốc gia vàthẩm định*tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh* tại điểm c khoản 2 Điều 33 đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; bổ sung quy định các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh phải lập báo cáo đánh giá tác động khi xây dựng QCKT tại điểm b khoản 1 Điều 27 và điểm a khoản 2 Điều 27 *nhằm đảm bảo tính khách quan, ổn định, hiệu lực, hiệu quả của QCKT khi được áp dụng trong thực tiễn*.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hiện nay khó thực hiện do lực lượng rất mỏng.*

***Tiếp thu*** ý kiến ĐBQH, dự thảo Luật đã chỉnh lý, bổ sung quy định thanh tra, kiểm tra là hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực TC&QCKT (điểm i khoản 1 Điều 7a); đồng thời bổ sung quy định bố trí, đảm bảo kinh phí phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về TC&QCKT (khoản 1 Điều 60).

*- Có ý kiến đề nghị bổ sung thông tin về đánh giá, tổng kết hoạt động của Ban kỹ thuật, giải pháp nâng cao chất lượng, vai trò của Ban kỹ thuật cũng như việc thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động Ban kỹ thuật.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: dự thảo Luật đã quy định Bộ KH&CN thành lập, tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia (khoản 3 Điều 16). Do vậy, việc đánh giá tổng kết hoạt động của Ban kỹ thuật, giải pháp nâng cao chất lượng, vai trò của Ban kỹ thuật thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN.

*- Có ý kiến đề nghị làm rõ lý do tồn tại song song cả tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn quốc gia. Nên chăng chỉ cần quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật đối với các đối tượng có ảnh hưởng đến sức khoẻ, môi trường; quy định việc chuyển đổi tiêu chuẩn thành QCKT nhanh chóng, đơn giản.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Hiệp định WTO/TBT, các FTA thế hệ mới có quy định cả 02 loại hình TC&QCKT. Vì vậy, Luật TC&QCKT quy định TC&QCKT là phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

*- Có ý kiến đề nghị cần có các trung tâm đo lường chất lượng tư nhân để khách hàng tới đo lường. Nếu chất lượng không đảm bảo thì người bán phải chịu chi phí trả tiền cho nội dung đo lường cho khách hàng.*

Về nội dung này, UBTVQH xin ***báo cáo*** như sau: Luật TC&QCKT cho phép các doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Các dịch vụ đo lường được thực hiện theo pháp luật về đo lường nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật này.

Ngoài những nội dung đã tiếp thu, giải trình trên đây, UBTVQH đã chỉ đạo Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thường trực Ủy ban Pháp luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan hữu quan đã nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng, tiếp thu các ý kiến của ĐBQH, các cơ quan hữu quan cũng như rà soát, chỉnh lý các quy định trong dự thảo Luật để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; hoàn thiện kỹ thuật lập pháp, văn phong của dự thảo Luật.

\*

\* \*

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, UBTVQH kính trình Quốc hội xem xét, thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Chính phủ;- Bộ KH&CN, VPCP;- TTUB: KH,CN&MT, PL;- Lưu: HC, KHCNMT.  | **TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Minh Hoan** |

**PHỤ LỤC Ia**

**Kết quả rà soát dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật theo Nghị quyết số 57-CT/TW ngày 29/12/2024 của Bộ Chính trị**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBKHCNMT15 ngày / /2025)*

1. Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược (ưu tiên các lĩnh vực quốc phòng, không gian, năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá…); Ban hành các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ…

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 chưa quy định về Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia. Theo kinh nghiệm quốc tế, các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế như Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), Liên minh viễn thông quốc tế (ITU), Ủy ban Tiêu chuẩn Châu Âu CEN/CENELEC khuyến nghị các quốc gia xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia. Hiện nay, các quốc gia phát triển như: Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản… và các quốc gia trong khu vực như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Indonesia… đã xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia của mình, việc ban hành Chiến lược tiêu chuẩn hóa sẽ xác định rõ các nguyên tắc, định hướng cơ bản, thiết lập chương trình hành động tổng thể, phát triển hệ thống tiêu chuẩn trung và dài hạn trên phạm vi toàn cầu hoặc quốc gia, trong đó Chiến lược tập trung xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho có các ngành khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo như: sản phẩm trọng điểm quốc gia, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, bán dẫn, công nghệ lượng tử, robot và tự động hoá… đồng thời, nâng cao năng lực áp dụng tiêu chuẩn quốc tế của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước. Ví dụ điển hình là Trung Quốc, ngay sau khi gia nhập WTO, đã bắt tay xây dựng và triển khai Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia. Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia của Trung Quốc đã thay đổi mạnh mẽ toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn quốc gia. Trung Quốc đã xây dựng các tiêu chuẩn của mình trở thành công cụ hữu ích để không những hỗ trợ hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong nước mà còn đưa hàng hóa, dịch vụ vươn tầm hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực then chốt như hàng không, công nghiệp chế tạo, điện-điện tử, công nghệ bán dẫn, y dược cổ truyền...

Các Chiến lược gần đây được Thủ tướng Chính phủ ban hành như: Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030, Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam, Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050…đều có một nội dung quan trọng về việc xây dựng hoàn thiện, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các ngành công nghệ chiến lược theo chuẩn mực quốc tế nhằm đưa các ngành công nghệ của Việt Nam bắt kịp các ngành công nghệ của các nước phát triển.

Do vậy, Khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật (bổ sung Điều 8a) đã quy định về Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia (bao gồm: Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu; các nhiệm vụ; giải pháp thực hiện; chương trình, đề án, dự án trọng điểm; kế hoạch, nguồn lực thực hiện), theo đó, định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa phục vụ việc hình thành và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, hiện đại và gắn với nền công nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế làm cơ sở để định hướng hoạt động tiêu chuẩn hóa, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất chất lượng, năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy hội nhập quốc tế.

2. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; Hình thành hạ tầng lưu trữ, tính toán đạt tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh; Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số; Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

Dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT đã đẩy mạnh công tác xây dựng, áp dụng, quản lý TC&QCKT dựa trên nên tảng kỹ thuật số, mô hình quản trị thông minh, cụ thể:

- Khoản 8, Điều 1 dự thảo Luật (bổ sung Điều 8c về Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT).

- Khoản 15, Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 20 về xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở), theo đó quy định: “*Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật....*”.

- Khoản 19 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 32 về trình tự, thủ tục xây dựng, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương), theo đó quy định “*cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân, đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên cổng thông tin điện tử của mình và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật”*, để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thuận tiện trong tiếp cận thông tin, theo dõi kết quả tiếp thu, xử lý góp ý dự thảo QCKT và hiệu quả trong công tác giám sát của người dân.

- Khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 7 về Chính sách của nhà nước trong lĩnh vực TC&QCKT), quy định *“Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phát triển các tổ chức đánh giá sự phù hợp theo hướng hiện đại hóa; ứng dụng, thúc đẩy chuyển đối số thông minh trong quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia*.”

Đồng thời, dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT đã bổ sung khái niệm tiêu chuẩn nước ngoài làm cơ sở cho việc áp dụng các tiêu chuẩn này trong công tác quản lý nhà nước, đáp ứng nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ trọng yếu, mới nổi, cụ thể: khoản 21 Điều 3 dự thảo Luật quy định “*tiêu chuẩn nước ngoài là tiêu chuẩn do tổ chức tiêu chuẩn quốc gia của nước ngoài hoặc các hội, hiệp hội, viện nghiên cứu chuyên ngành nước ngoài công bố*”.

3. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi.

dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TC&QCKT đã sửa đổi, bổ sung quy định thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng thành tựu KHCN, ĐMST vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, cụ thể:

- Khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 7 về Chính sách của nhà nước trong lĩnh vực TC&QCKT), bổ sung quy định:

*+ “ Đảm bảo kinh phí cho các cơ quan, tổ chức của nhà nước tham gia các hoạt động hợp tác, thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đào tạo phục vụ hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật. Nhà nước hỗ trợ nguồn lực để các đại diện của Việt Nam tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và khu vực, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ là thành viên.*

*+ Thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đào tạo và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam.*

*+ Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia; tạo điều kiện xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.*

*+ Phát triển hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế.”.*

- Khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 8 về Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TC&QCKT), bổ sung quy định: “*Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia là đầu mối quốc gia tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Tổ chức cử đại diện tham gia các ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế thông qua cơ quan tiêu chuẩn quốc gia bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, phù hợp với quy định quốc tế.”*

**PHỤ LỤC Ib**

**Kết quả rà soát dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT theo Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBTVQH15 ngày / /2025)*

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, hội nhập quốc tế dựa trên các nền tảng hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

So với Luật TC&QCKT, dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT đã đẩy mạnh công tác xây dựng, áp dụng, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật dựa trên nên tảng kỹ thuật số, mô hình quản trị thông minh, cụ thể:

- Khoản 8, Điều 1 dự thảo Luật (bổ sung Điều 8c về Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

- Khoản 15 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 20 về xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở), theo đó quy định: “*Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở có trách nhiệm thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật....*”.

- Khoản 19 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 32 về trình tự, thủ tục xây dựng, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương), theo đó quy định “*cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật nghiên cứu tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân, đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên cổng thông tin điện tử của mình và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT”*, để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thuận tiện trong tiếp cận thông tin, theo dõi kết quả tiếp thu, xử lý góp ý dự thảo quy chuẩn kỹ thuật và hiệu quả trong công tác giám sát của người dân.

- Khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 7 về Chính sách của nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật), quy định “*Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phát triển các tổ chức đánh giá sự phù hợp theo hướng hiện đại hóa; ứng dụng, thúc đẩy chuyển đối số thông minh trong quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia”*.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và phát triển đất nước, trong đời sống xã hội; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, tạo nền tảng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các mục tiêu phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, dẫn dắt quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; phục vụ các mục tiêu phát triển đất nước trong từng giai đoạn...

So với Luật TC&QCKT, dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT đã sửa đổi, bổ sung quy định thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng thành tựu KHCN, Đổi mới sáng tạo (ĐMST) vào hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, cụ thể:

- Khoản 5 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 7 về Chính sách của nhà nước trong lĩnh vực TC&QCKT), bổ sung quy định:

*+ “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người dân về vai trò, ý nghĩa vị trí, tầm quan trọng của hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và phát triển đất nước, trong đời sống xã hội.*

*+ Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phát triển các tổ chức đánh giá sự phù hợp theo hướng hiện đại hóa; ứng dụng, thúc đẩy chuyển đối số thông minh trong quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia.*

*+ Ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ cho lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, tập trung vào nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật. Đảm bảo kinh phí cho các cơ quan, tổ chức của nhà nước tham gia các hoạt động hợp tác, thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đào tạo phục vụ hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật. Nhà nước hỗ trợ nguồn lực để các đại diện của Việt Nam tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế và khu vực, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ là thành viên.*

*+ Thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, hiệp hội, hội, doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đào tạo và đầu tư trong hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam.*

*+ Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong các cơ sở giáo dục đào tạo, dạy nghề.*

*+ Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hạ tầng chất lượng quốc gia; tạo điều kiện xây dựng thành tiêu chuẩn quốc tế đối với các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực, đặc thù của Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.*

*+ Phát triển hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế.”.*

3. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ tương xứng với vị trí, vai trò. Quy hoạch và thực hiện đúng quy hoạch phát triển các trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong toàn quốc. Xây dựng ít nhất một trung tâm kiểm định tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở mỗi vùng kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở từng vùng. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực đối với trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng 3 khu vực Bắc, Trung, Nam; hiện đại hoá hệ thống phòng kiểm định kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; xây dựng một số trung tâm kiểm định đạt chuẩn quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong các ngành, lĩnh vực để nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

So với Luật TC&QCKT, dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT đã thể chế hoá đảm bảo nguồn lực, phát triển năng lực kỹ thuật trong lĩnh vực thử nghiệm, kiểm định hướng đến chuẩn quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, cụ thể:

- Bổ sung Chương V về bảo đảm nguồn lực, điều kiện cho hoạt động quản lý trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (05 Điều). Theo đó, quy định cụ thể về Nguồn kinh phí xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Điều 58, 59); Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động quản lý trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (Điều 60); Bảo đảm chất lượng sản phẩm hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường (Điều 61); Phát triển các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong hạ tầng chất lượng quốc gia (Điều 62).

4. Về kiện toàn tổ chức hoạt động cơ quan tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng chỉ một đầu mối cấp quốc gia để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

So với quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 và dự thảo Luật của Chính phủ trình kỳ họp 8, Quốc hội XV, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về kiện toàn tổ chức, hoạt động xây dựng, áp dụng, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn quốc gia, cụ thể:

- Khoản 7 Điều 1 của dự thảo Luật (sửa đổi Điều 8 về hội nhập quốc tế): Bổ sung quy định về Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia nhằm tăng cường hội nhập quốc tế, loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại phù hợp Hiệp định WTO/TBT và các FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên; theo đó, quy định cơ quan tiêu chuẩn quốc gia là đầu mối cấp quốc gia để quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thống nhất từ trung ương đến địa phương; xây dựng, triển khai chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế.

- Khoản 8 Điều 1 của dự thảo Luật (Bổ sung Điều 8a): Quy định Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia là cơ sở để định hướng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn phục vụ việc hình thành và phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương và nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng kinh tế trọng điểm và địa phương. Các bộ quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng kế hoạch TCVN 5 năm, hằng năm trong lĩnh vực mình quản lý, phải căn cứ vào chiến lược tiêu chuẩn quốc gia để xác định mục tiêu, đề xuất đối tượng TCVN cụ thể.

- Khoản 16 và khoản 19 Điều 1 dự thảo Luật (sửa đổi Điều 27 và Điều 32) quy định thẩm quyền các bộ lập kế hoạch, tổ chức xây dựng, ban hành QCVN và giao trách nhiệm Bộ KH&CN tổ chức thẩm định dự thảo QCVN do các bộ xây dựng nhằm bảo đảm tính thống nhất, khách quan, tránh lợi ích nhóm, cục bộ của các bộ trong xây dựng, ban hành QCVN, đặc biệt trong xử lý giao thoa về đối tượng quản lý, phạm vi áp dụng, chồng chéo về thẩm quyền giữa các QCVN do các bộ khác nhau xây dựng, ban hành.

**PHỤ LỤC II**

**Kết quả rà soát dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT theo chỉ đạo tại các Công thư số 15/CTQH, số 17/CTQH của Chủ tịch Quốc hội**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBTVQH15 ngày / /2025)*

1. Về phân cấp, phân quyền

So với Luật TC&QCKT, dự thảo Luật SĐBSMSĐ của Luật TC&QCKT đã đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho các bộ ngành, địa phương, cụ thể:

- Bỏ quy định về việc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương phải có sự *“đồng ý bằng văn bản”* của các bộ quản lý chuyên ngành (tại điểm d khoản 2 Điều 32 Luật TC&QCKT). Điểm e khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật quy định “*Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này*” nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

- Bổ sung quy định “*Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia do mình tổ chức xây dựng dự thảo*” (Điểm b khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật) nhằm đảm bảo sự chủ động xuất bản, phát hành TCVN đến các đối tượng do các bộ quản lý kịp thời, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, tra cứu, áp dụng TCVN của người dân, doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Luật TC&QCKT quy định *Bộ KH&CN giữ quyền xuất bản và phát hành tiêu chuẩn quốc gia).*

- Quy định các Bộ, địa phương có quyền quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn khi xây dựng TCVN, QCVN, QCĐP trong một số trường hợp nhất định (khoản 4 Điều 17 và Điều 32 dự thảo Luật) đảm bảo sự chủ động của các bộ ngành, địa phương khi xây dựng TCVN, QCVN, QCĐP trong các trường hợp cấp thiết như: thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn...phục vụ kịp thời hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Bỏ quy định Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan tổ chức thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau (tại khoản 2 Điều 57 Luật TC&QCKT). Điểm a khoản 2 Điều 57 dự thảo Luật quy định *Cơ quan quản lý nhà nước xem xét, quyết định việc thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp quốc tế, nước ngoài để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước* nhằm đảm bảo sự chủ động, trách nhiệm chính của các bộ ngành khi triển khai các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo phạm vi quản lý được giao phục vụ kịp thời hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; đặc biệt quy định này đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay, khi năng lực thử nghiệm, chứng nhận theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới còn hạn chế, nhất là lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ trọng yếu, mới nổi, vật liệu mới (ví dụ: công nghệ viễn thông 5G, vạn vật kết nối IOT, chíp bán dẫn…), hiện chưa có phòng thử nghiệm tại Việt Nam có đủ năng lực đánh giá, thử nghiệm, gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Về quy định liên quan đến quy trình, thủ tục hành chính; đơn giản hóa một số thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh so với Luật hiện hành

So với quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuât năm 2006, dự thảo Luật không ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính trong lĩnh vực TC&QCKT.

- dự thảo Luật giữ nguyên quy định mang tính nguyên tắc về việc các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải thực hiện đăng ký với cơ quan nhà nước (Điều 51, Điều 54 Luật TC&QCKT).

- Thủ tục đăng ký dịch vụ đánh giá sự phù hợp (điều kiện đầu tư kinh doanh hoạt động đánh giá sự phù hợp) vẫn được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp để phù hợp với Luật Đầu tư năm 2020.

Các quy định trên là các quy định cơ bản, làm cơ sở cho việc quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước đới với hoạt động đánh giá sự phù hợp tương tự các quy định của các quốc gia trên thế giới, phù hợp với thông lệ quốc tế./.

1. Không phân biệt đối xử; tránh tạo rào cản không cần thiết đối với thương mại quốc tế; hài hòa hóa; có tính đến các tiêu chuẩn quốc tế chung; đảm bảo nguyên tắc tương đương và công nhận lẫn nhau; minh bạch. [↑](#footnote-ref-1)
2. Việt Nam gia nhập WTO từ năm 2007 và đã triển khai Hiệp định TBT của WTO kể từ thời điểm gia nhập [↑](#footnote-ref-2)
3. [↑](#footnote-ref-3)
4. Chi phí cho thử nghiệm chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy được thực hiện theo Điều 31, khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 58, của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa. [↑](#footnote-ref-4)
5. GMP (viết tắt Good Manufacturing Practice) là tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt/quy phạm sản xuất. GMP bao gồm các biện pháp, thao tác và quy trình thực hành đảm bảo tuân thủ trong quá trình sản xuất. GMP giúp kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành chất lượng sản phẩm từ khâu thiết kế, xây lắp nhà xưởng, dụng cụ chế biến, thiết bị; điều kiện phục vụ, chuẩn bị chế biến đến quá trình chế biến; bao gói, bảo quản và con người điều khiển các hoạt động trong suốt quá trình gia công, chế biến. Chứng nhận GMP là việc xác nhận một tổ chức/doanh nghiệp đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn trong cấp phép sản xuất, buôn bán thực phẩm và đồ uống, mỹ phẩm, dược phẩm chức năng và thiết bị y tế. [↑](#footnote-ref-5)
6. HACCP là cụm từ viết tắt của Hazard Analysis and Critical Control Point System, hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn". Có nghĩa, đây là hệ thống xác định, đánh giá và kiểm soát các mối nguy đối với an toàn thực phẩm. ***Chứng nhận HACCP*** là việc xác nhận một tổ chức/doanh nghiệp đã xây dựng và áp dụng hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn phù hợp với các yêu cầu, nguyên tắt được HACCP đặt ra. [↑](#footnote-ref-6)
7. Quy trình đánh giá và chứng nhận GMP gồm 07 bước (Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, lập kế hoạch, kiểm tra thực tế, Báo cáo khắc phục, Cấp giấy chứng nhận); Quy trinh đánh giá và chứng nhận HACCP gồm 06 bước ((Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, đánh giá tài liệu, đánh giá hệ thống quản lý, thẩm xét hồ sơ đánh giá, cấp chứng chỉ HACCP). [↑](#footnote-ref-7)